

Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh

**TÌNH HÌNH DỊCH HIV/STI TẠI KVPN
QUA GIÁM SÁT PHÁT HIỆN, GIÁM SÁT
TRỌNG ĐIỂM VÀ NGHIÊN CỨU ƯỚC TÍNH QUẦN
THỂ NHÓM NAM QUAN HỆ TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI**

ThS.BS. Khưu Văn Nghĩa

TP. Hồ Chí Minh, 16 tháng 08 năm 2024

Nội dung

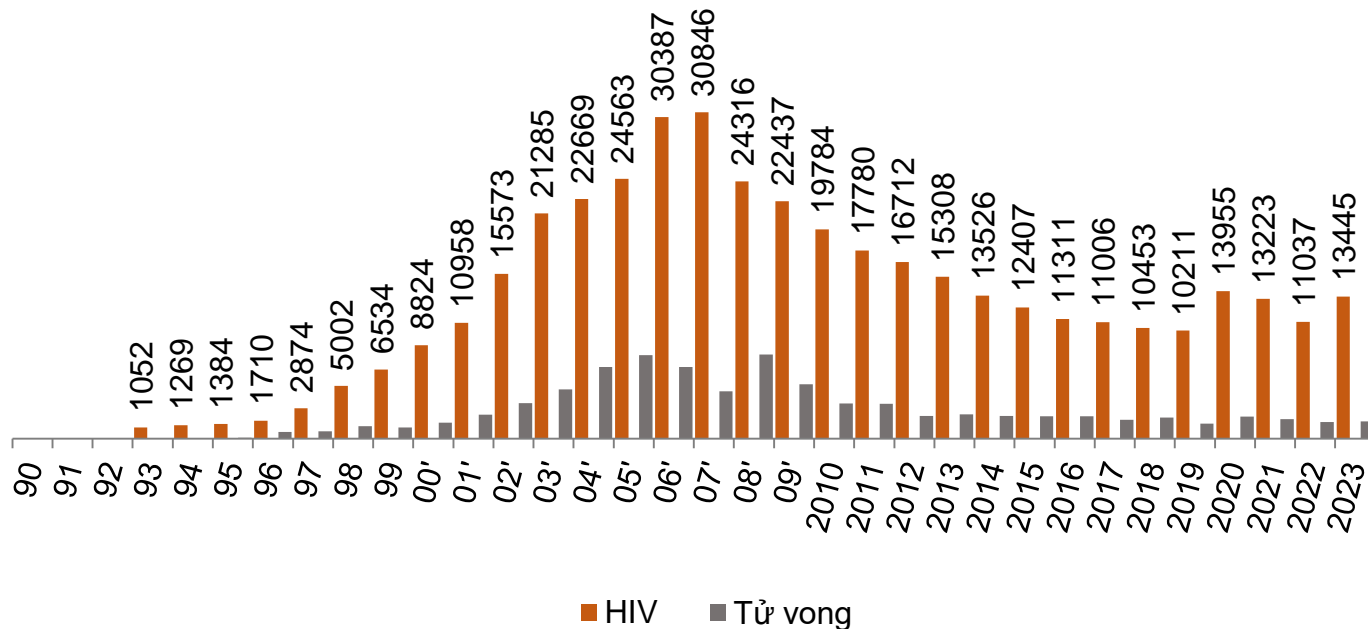
1. Tình hình dịch HIV tại Việt Nam
2. Tình hình dịch HIV tại KVPN qua
 - i. GSPH
 - ii. GSCB
 - iii. GSTĐ
3. Kết quả ước tính quần thể MSM tại KVPN
4. Nhận định & khuyến nghị

Tình Hình Dịch HIV Tại Việt Nam

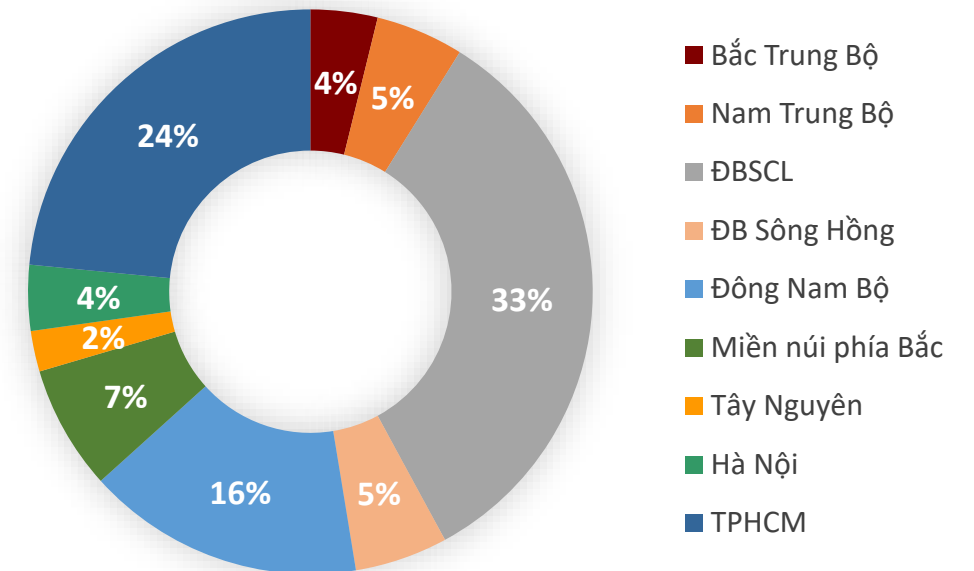
Tình hình dịch HIV

	Năm 2023
Ước tính số nhiễm HIV toàn quốc	249.000
Số xét nghiệm đang báo cáo hiện mắc (5% là trùng lặp)	234.220
Số nhiễm HIV/AIDS tử vong lũy tích	114.195
Số phát hiện mới năm 2023	13.445
Số tử vong báo cáo năm 2023	1.623

Số HIV, AIDS và tử vong được báo cáo qua các năm

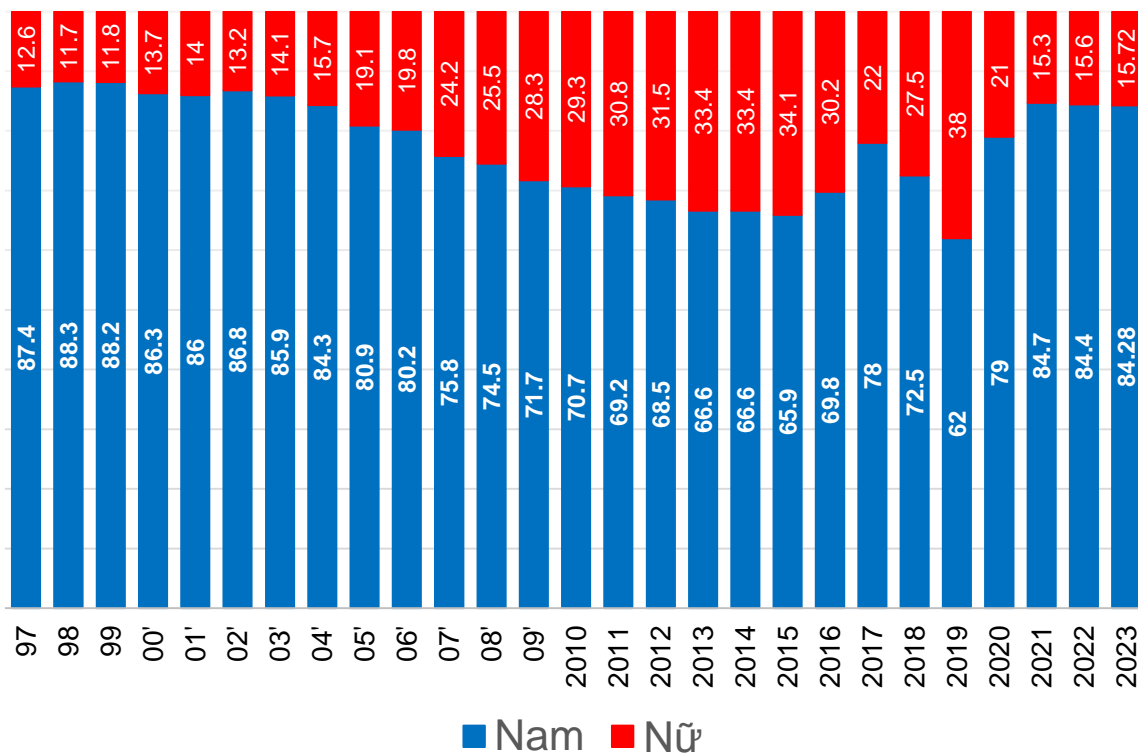


Phân bố số phát hiện mới theo vùng miền

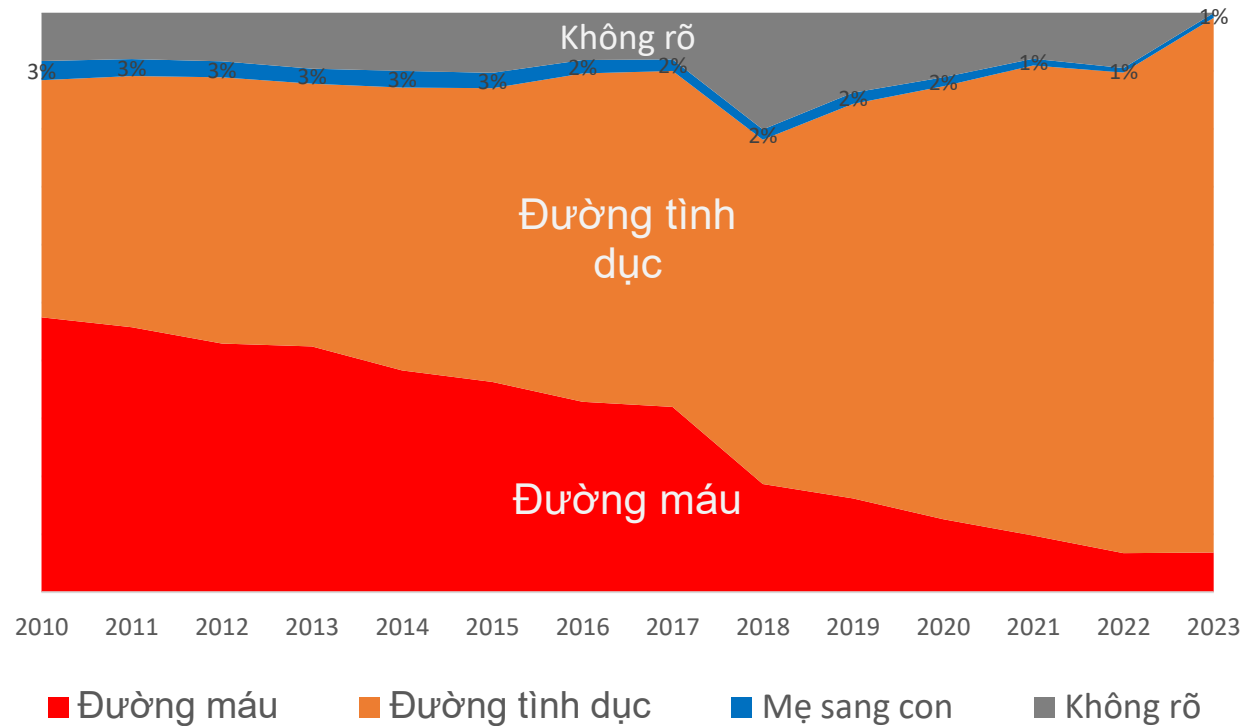


Trong số phát hiện mới, nam giới chiếm tỷ trọng cao hơn 5 lần so với nữ giới. Đường lây chủ yếu là qua quan hệ tình dục không an toàn; tỷ lệ này tiếp tục tăng mạnh qua các năm và trở thành đường lây chính

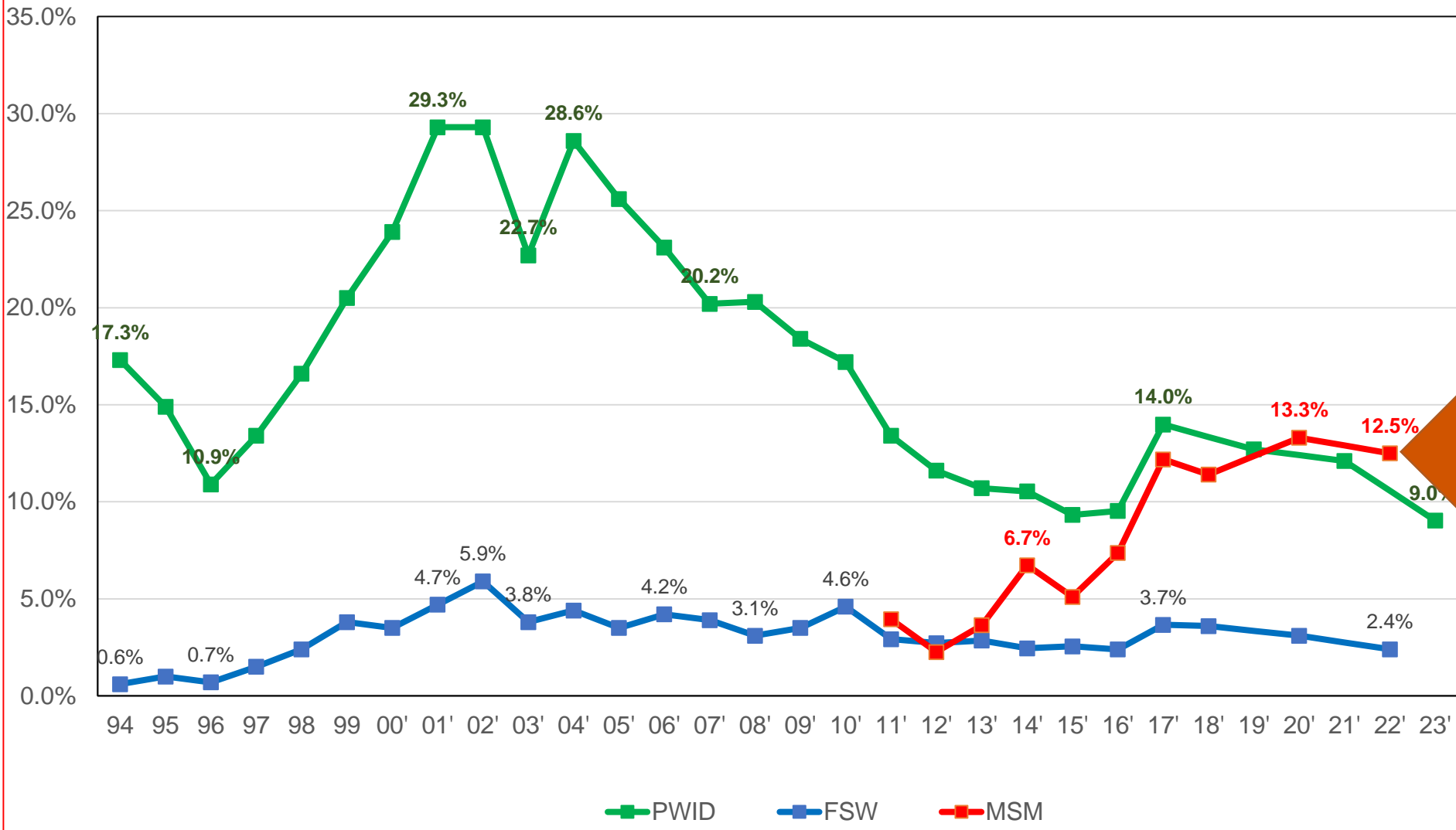
Phân bố số mới phát hiện theo Giới tính



Phân bố số mới phát hiện theo đường lây



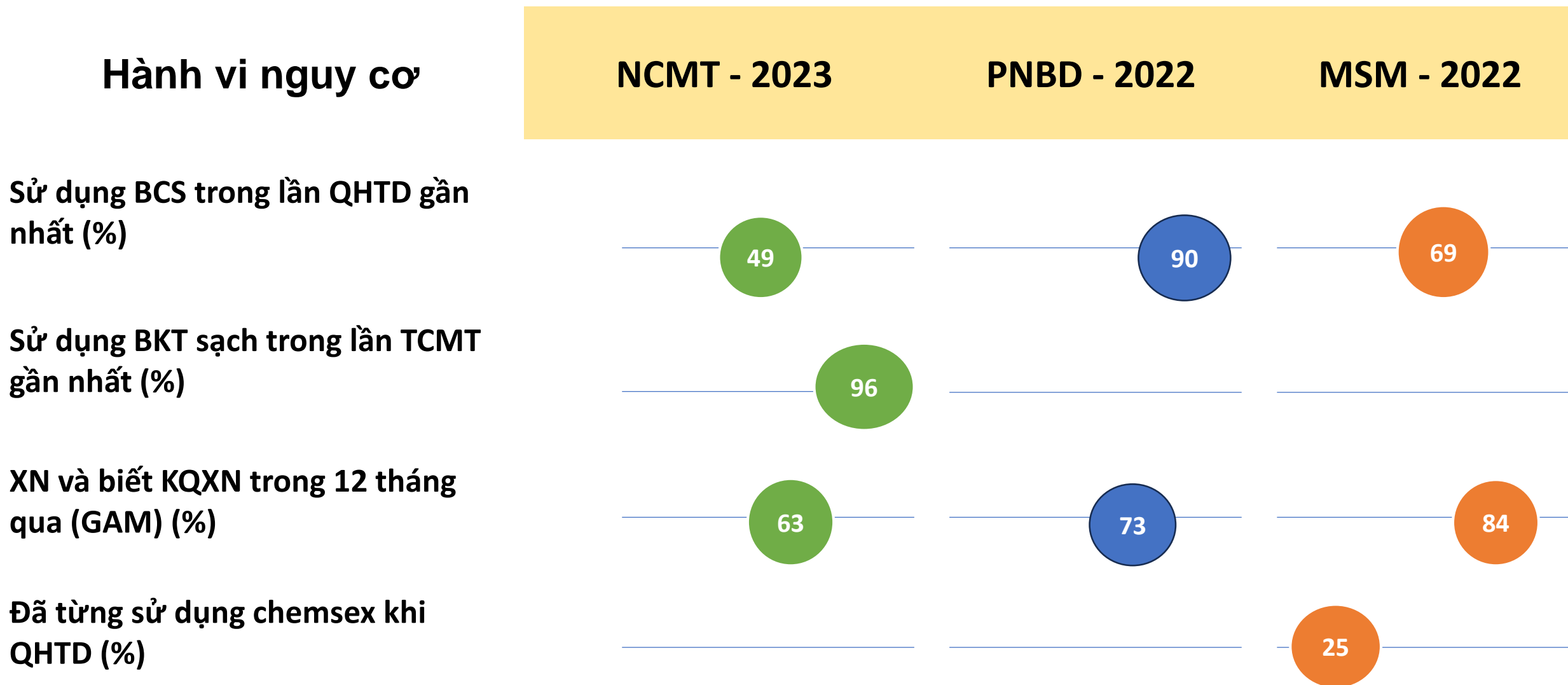
Tỷ lệ nhiễm HIV của các nhóm nguy cơ cao trong giám sát trọng điểm từ năm 1994 - 2023



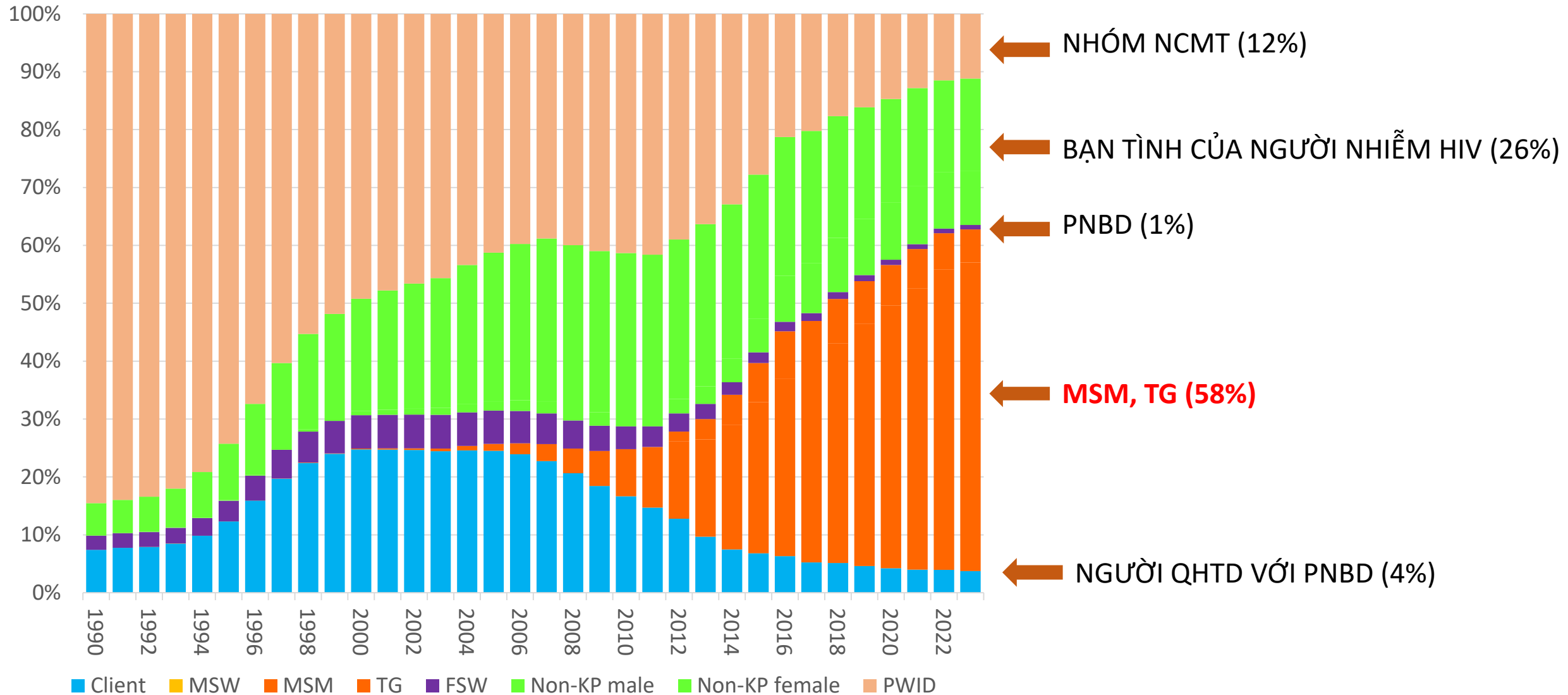
Tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm PNBD và NCMT tương đối ổn định

Tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm MSM tăng từ 6,7% (2014) đến 12,47% (2022)

Hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV

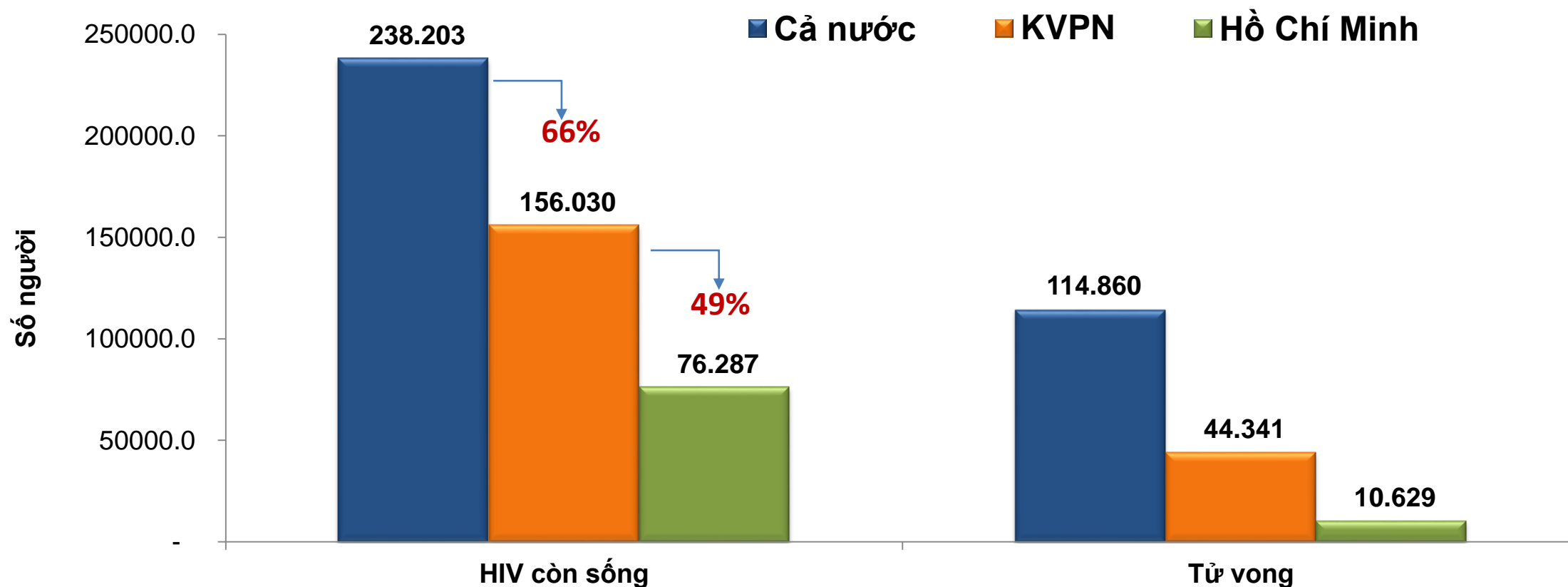


Cảnh báo dịch ở những nhóm quần thể mới (MSM, TG)

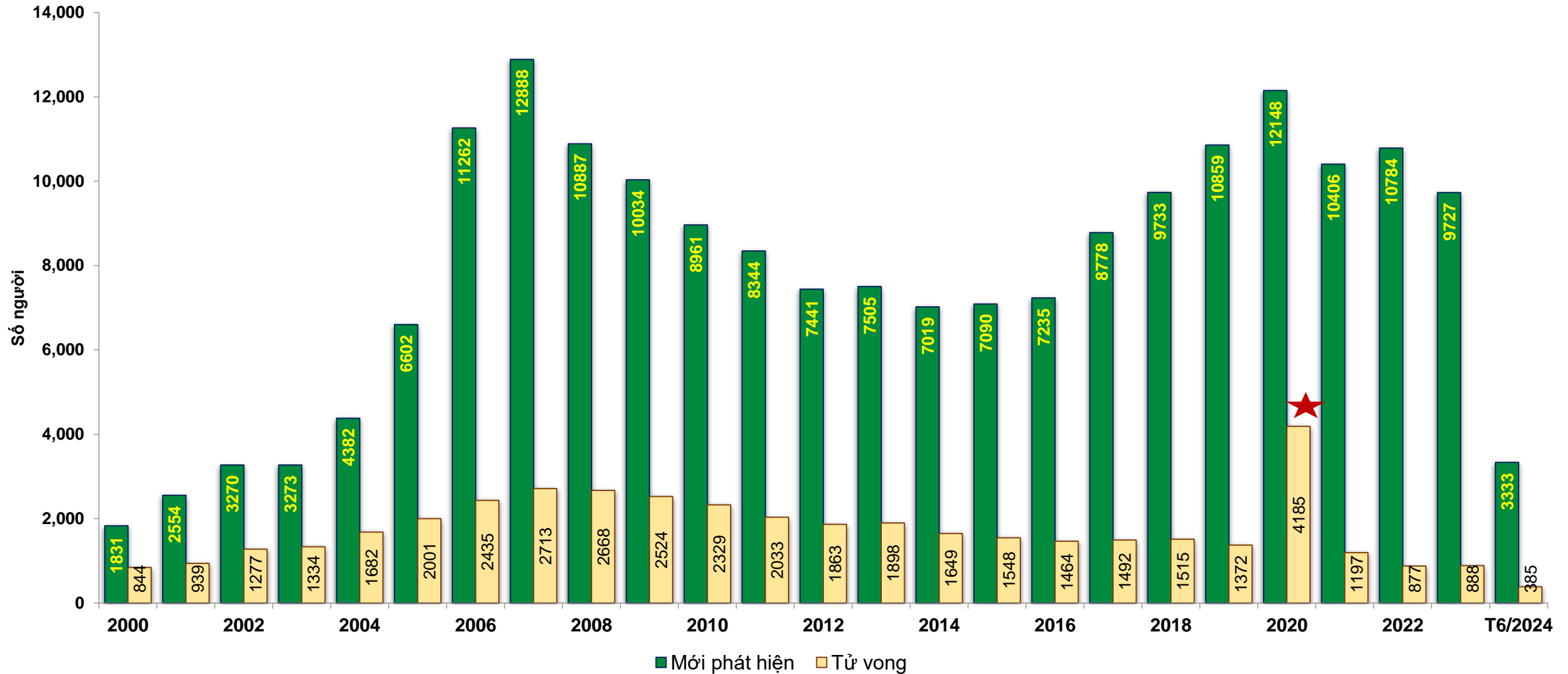


Tình Hình Dịch HIV Tại Khu Vực Phía Nam (KVPN) Qua Giám Sát Phát Hiện

Số HIV/AIDS còn sống và tử vong tại KVPN qua GSPH tính đến T6/2024



Số ca HIV phát hiện, tử vong tại **KVPN** qua GSPH 2000-T6/2024

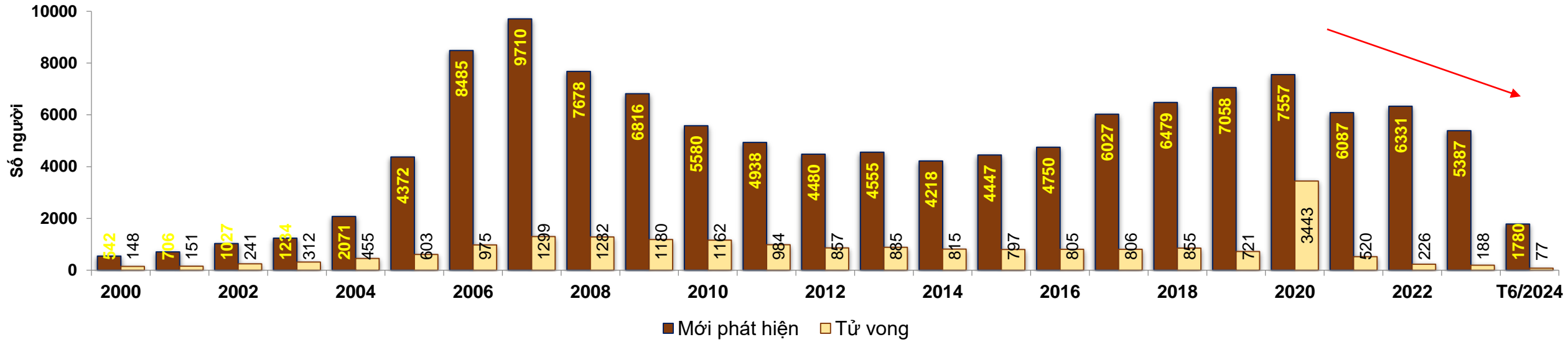


★ Năm 2020, TPHCM tổng rà soát số liệu, các ca không rõ ngày tử vong sẽ được báo tử vong năm 2020

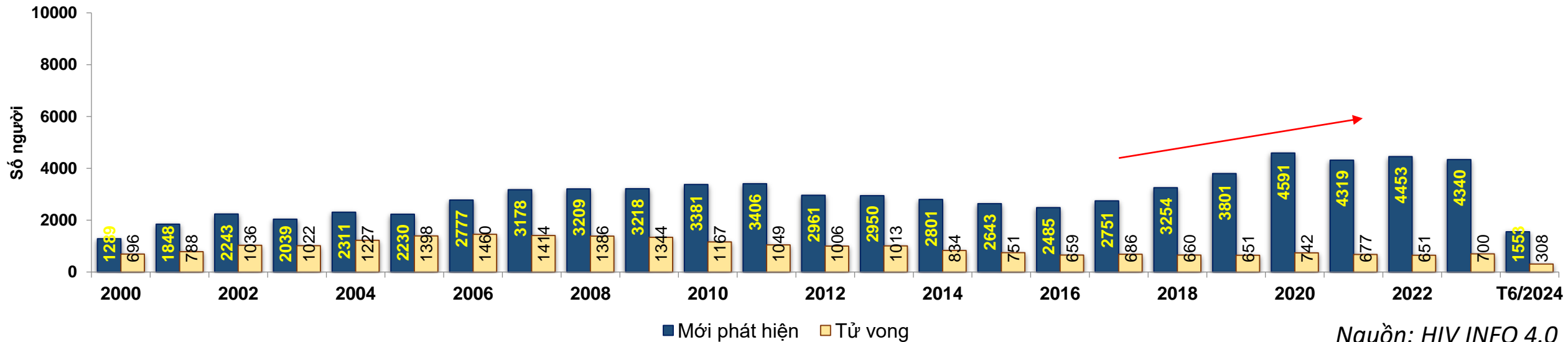
Nguồn: HIV INFO 4.0

Số ca HIV phát hiện, tử vong tại ĐNB và TNB qua GSPH 2000-T6/2024

Đông Nam Bộ

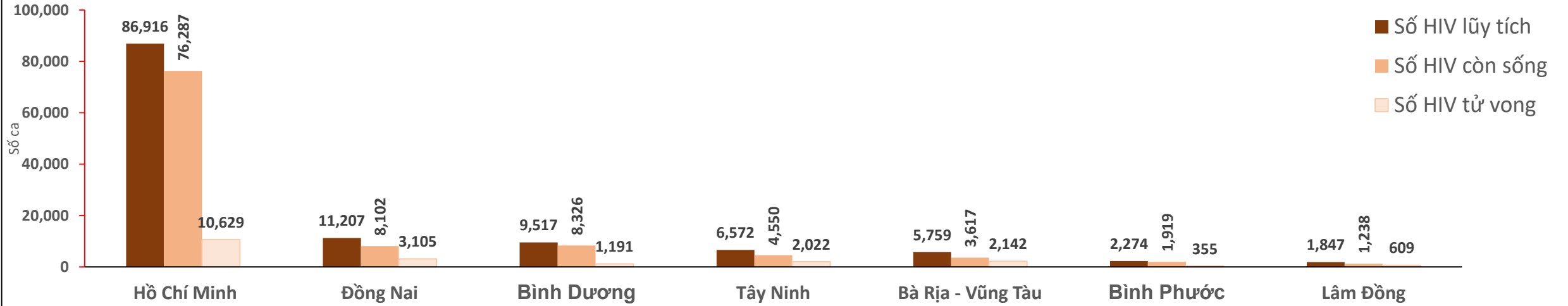


Tây Nam Bộ

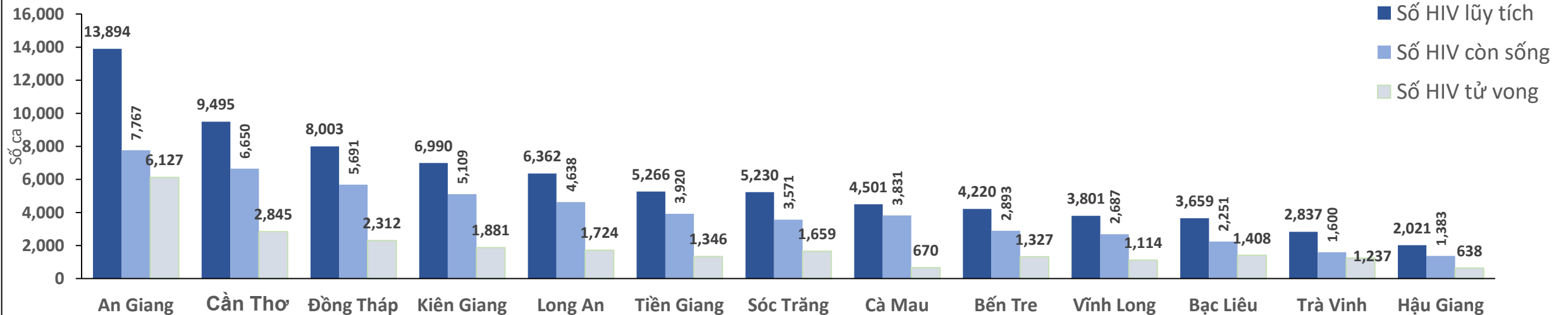


Số ca HIV lũy tích, còn sống và tử vong tại **các tỉnh/TP** **KVPN** tính đến T6/2024

Đông Nam Bộ

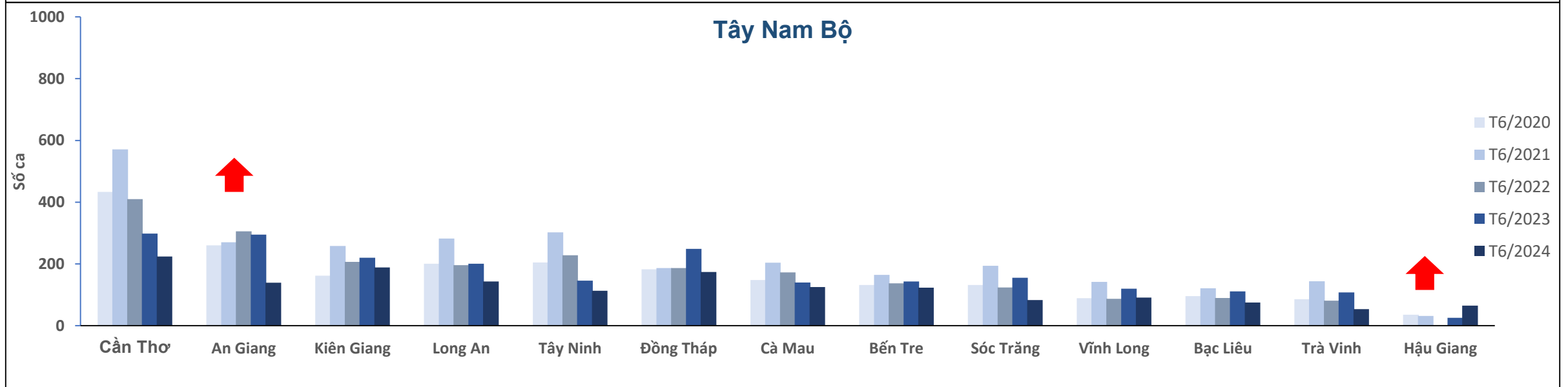
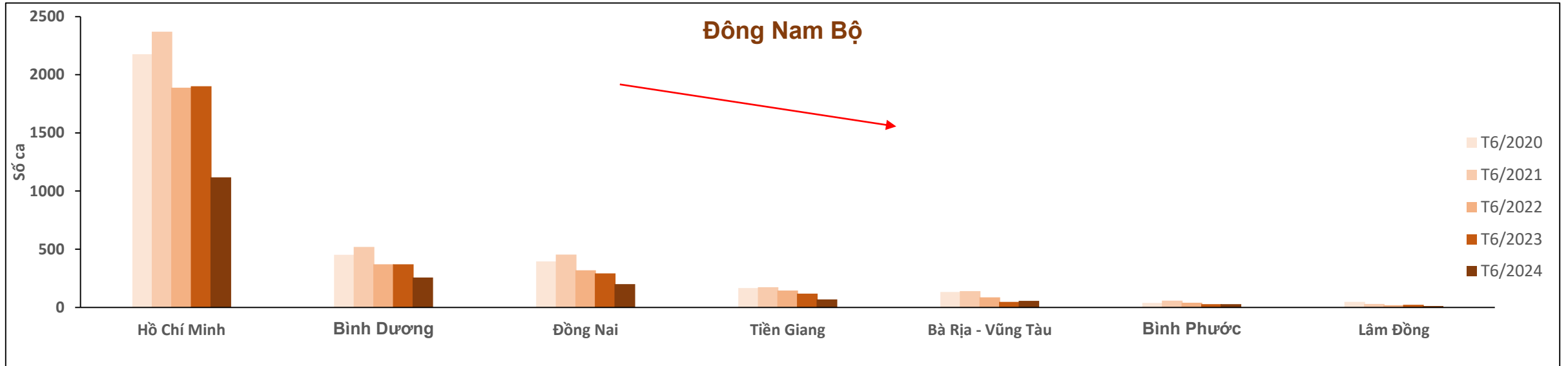


Tây Nam Bộ



Nguồn: HIV INFO 4.0

Số ca HIV mới phát hiện **tại các tỉnh/thành phố tại KVPN** so sánh cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm, 2020 - 2024



Các điểm nóng dịch HIV tại **KV ĐNB** trong 6 tháng đầu năm 2024

Tỉnh	01/2024 ↑	02/2024	03/2024	04/2024 ↑	05/2024	06/2024
Tỉnh Lâm Đồng	3	5	5	2	0	1
Tỉnh Bình Phước	2	7	9	1	10	7
Tỉnh Tây Ninh	30	16	17	13	23	29
Tỉnh Bình Dương	89	46	47	53	49	55
Tỉnh Đồng Nai	46	34	41	31	26	29
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	16	9	11	3	18	6
Thành phố Hồ Chí Minh	189	121	181	107	120	112

* Theo số ca mới phát hiện

Nguồn: HIV INFO 4.0

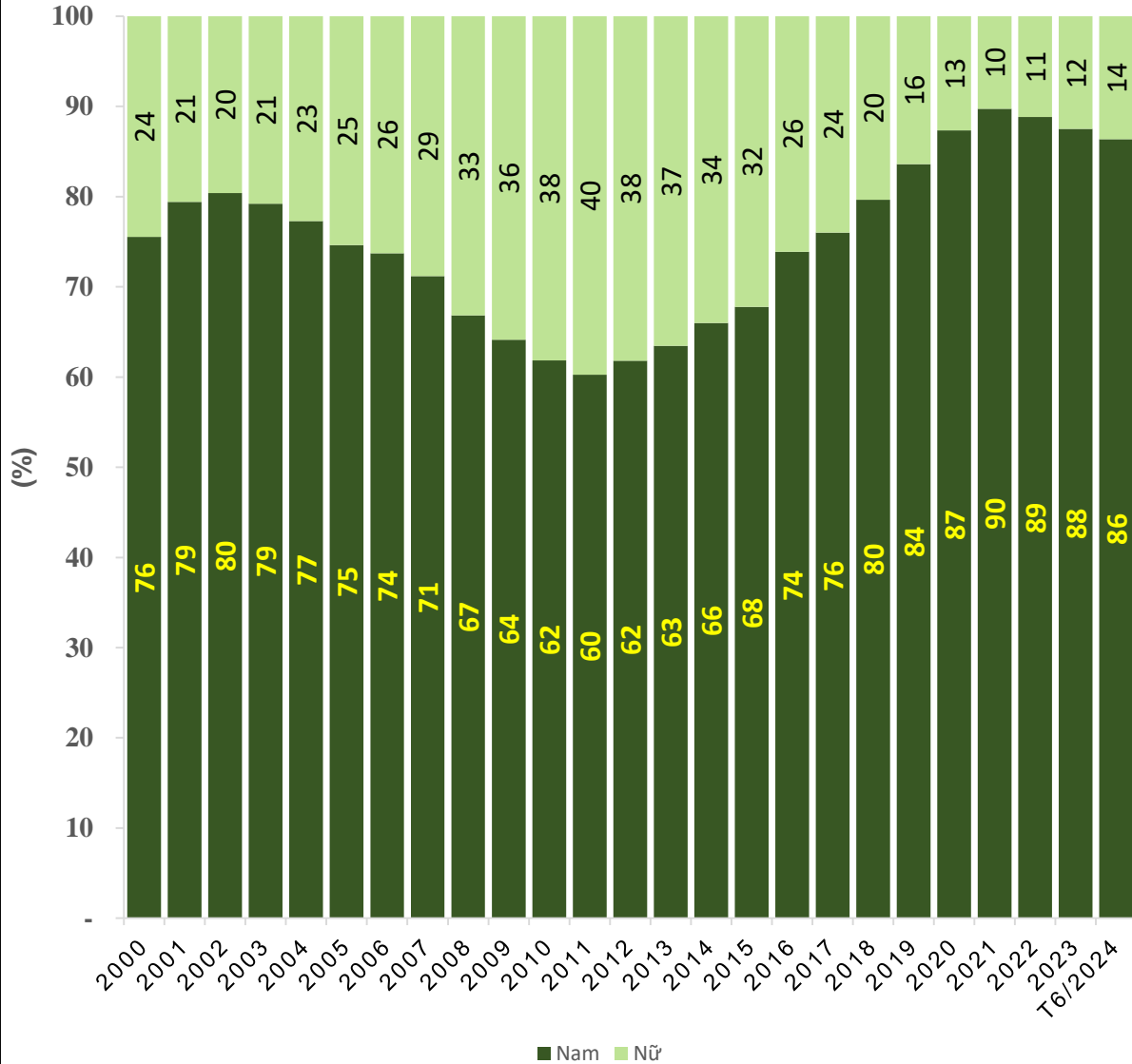
Các điểm nóng dịch HIV tại KV TNB trong 6 tháng đầu năm 2024

Tỉnh	01/2024 ↑	02/2024	03/2024	04/2024 ↑	05/2024	06/2024
Tỉnh Long An	29	13	27	23	28	24
Tỉnh Tiền Giang	35	25	49	27	3	4
Tỉnh Bến Tre	23	28	17	20	21	15
Tỉnh Trà Vinh	13	8	12	9	10	10
Tỉnh Vĩnh Long	18	19	20	17	15	13
Tỉnh Đồng Tháp	39	29	38	25	24	30
Tỉnh An Giang	43	35	28	29	46	27
Tỉnh Kiên Giang	31	29	44	33	31	29
Thành phố Cần Thơ	27	22	23	29	37	35
Tỉnh Hậu Giang	14	9	17	19	18	4
Tỉnh Sóc Trăng	15	16	12	21	12	16
Tỉnh Bạc Liêu	20	7	15	13	12	16
Tỉnh Cà Mau	25	13	21	28	26	19

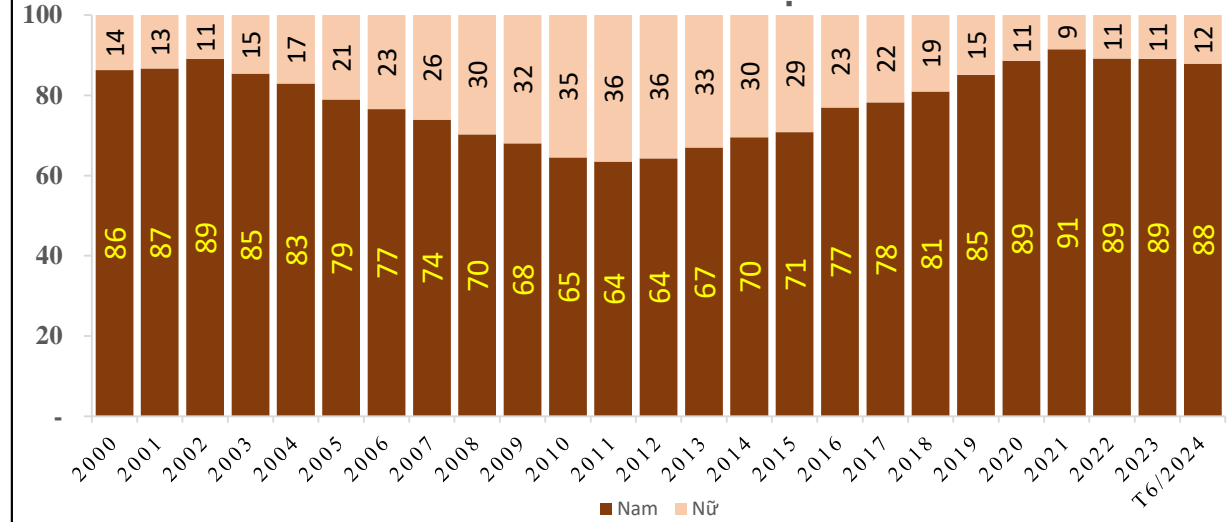
* Theo số ca mới phát hiện

Phân bố ca nhiễm HIV mới phát hiện theo **giới tính** tại KVPN, 2000-T6/2024

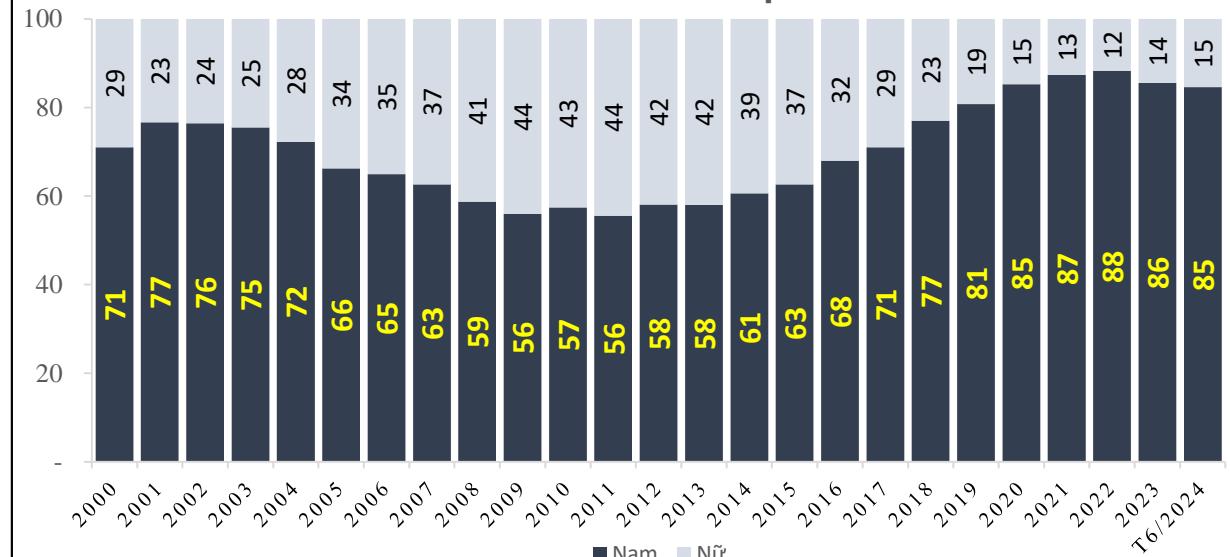
KHU VỰC PHÍA NAM



ĐÔNG NAM BỘ

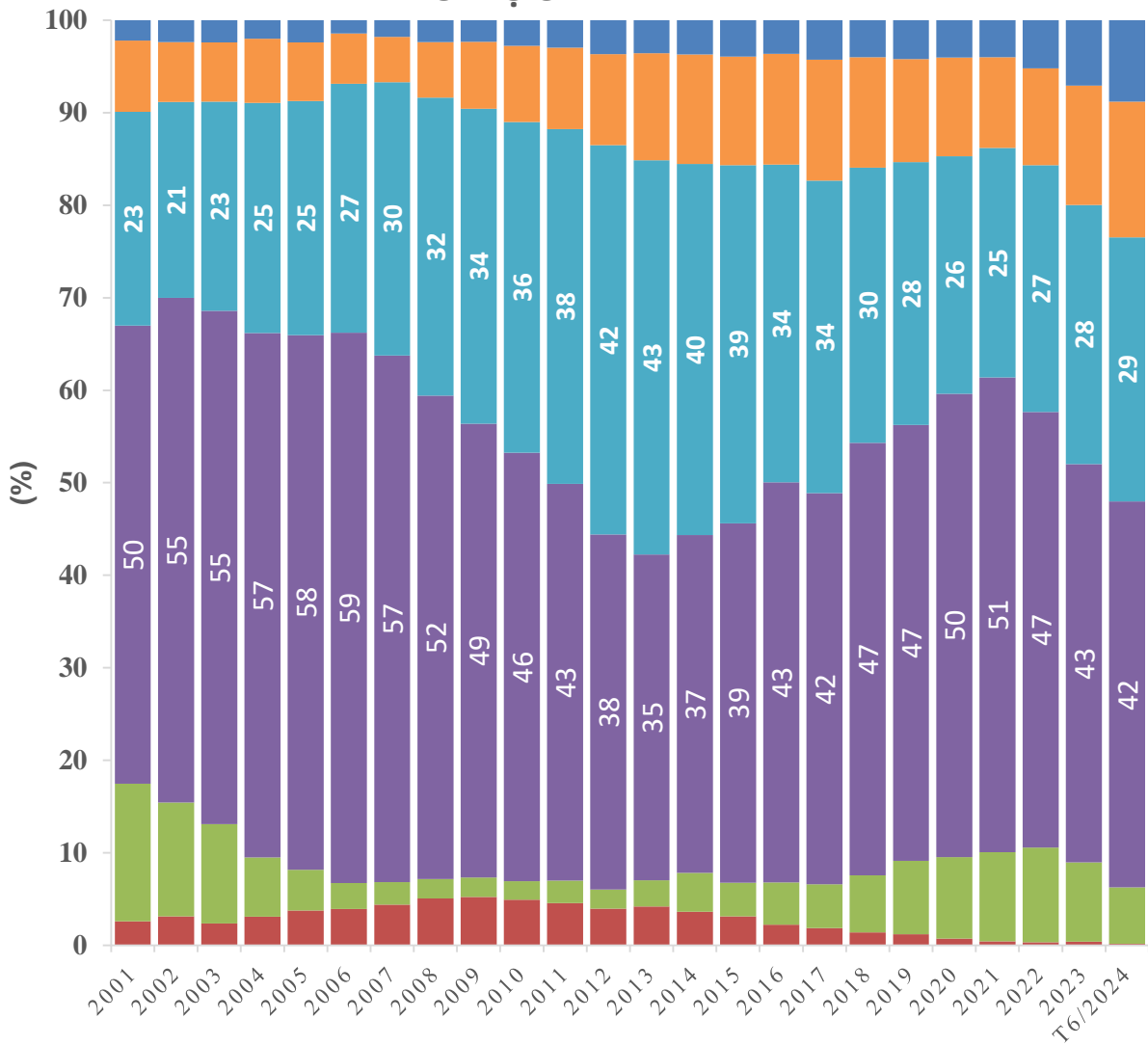


TÂY NAM BỘ

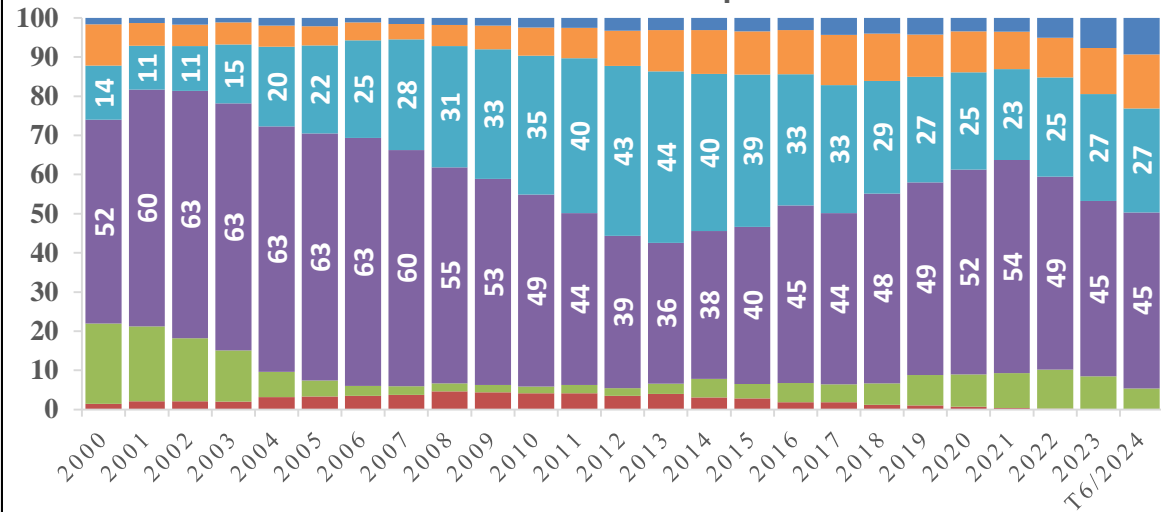


Phân bố ca nhiễm HIV mới phát hiện theo **nhóm tuổi** tại KVPN, 2000-T6/2024

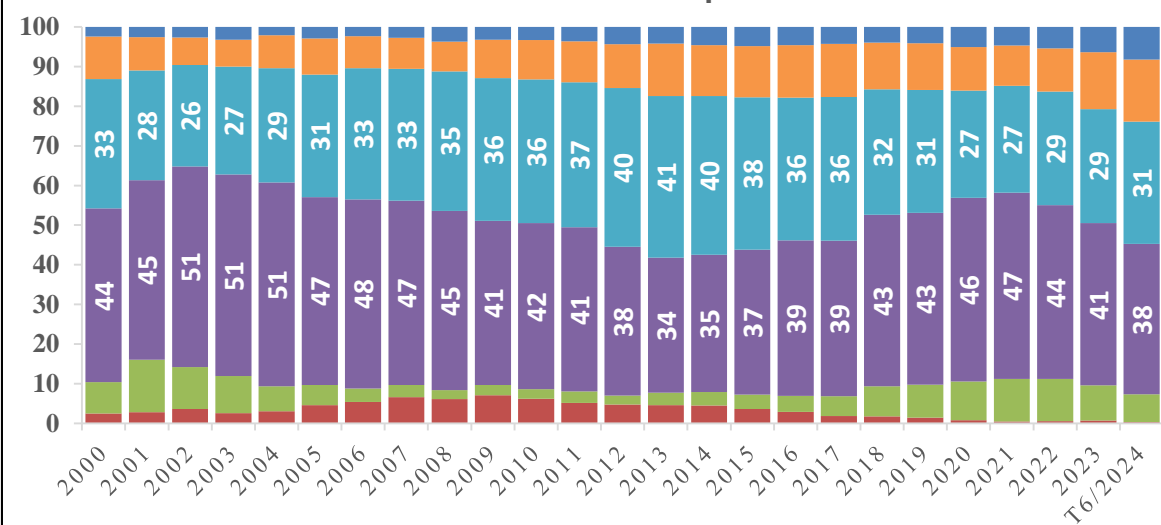
KHU VỰC PHÍA NAM



ĐÔNG NAM BỘ



TÂY NAM BỘ

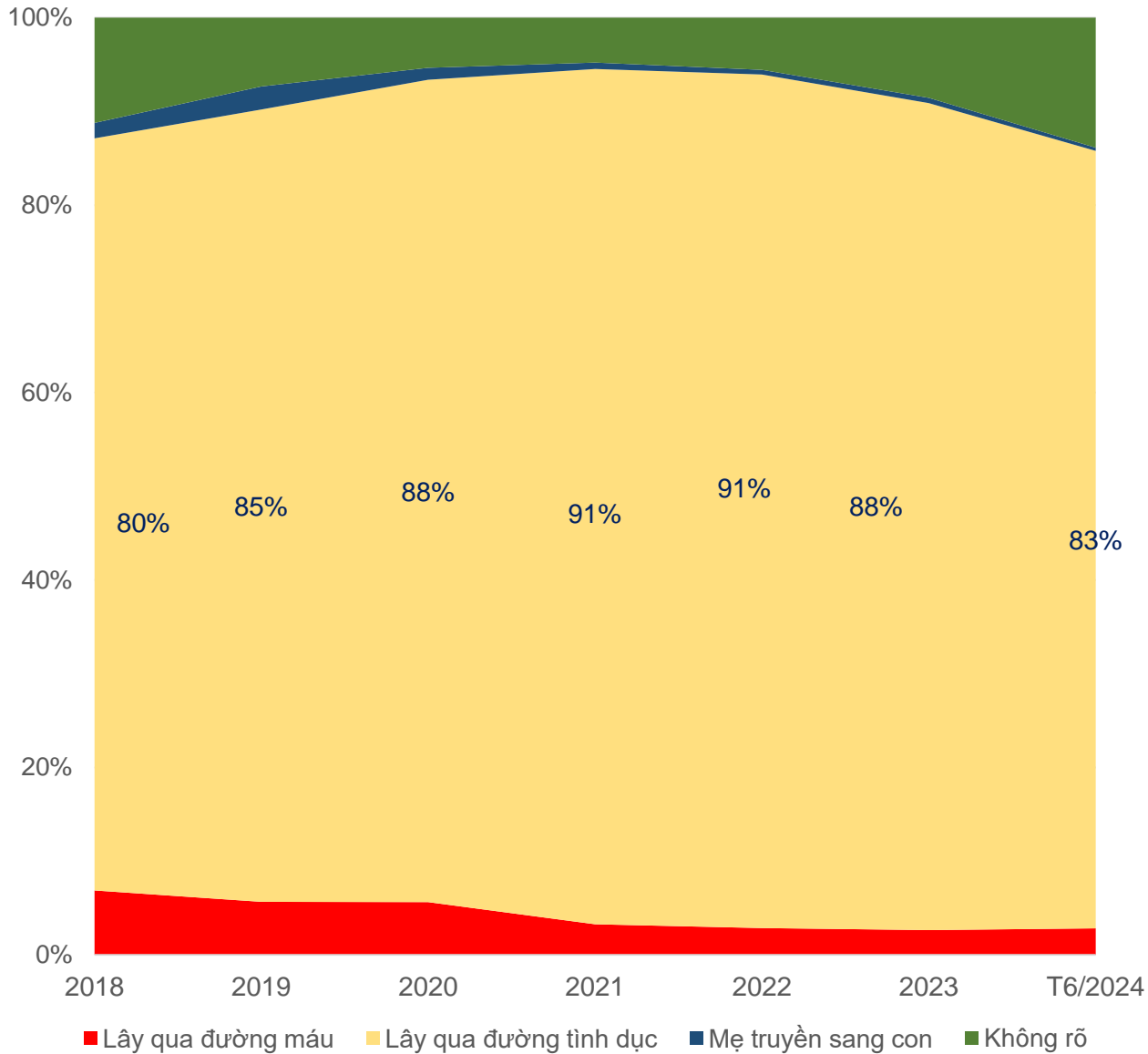


■ <13
 ■ Từ 13 đến 19
 ■ Từ 20 đến 29
 ■ Từ 30 đến 39
 ■ Từ 40 đến 49
 ■ Từ 50 trở lên

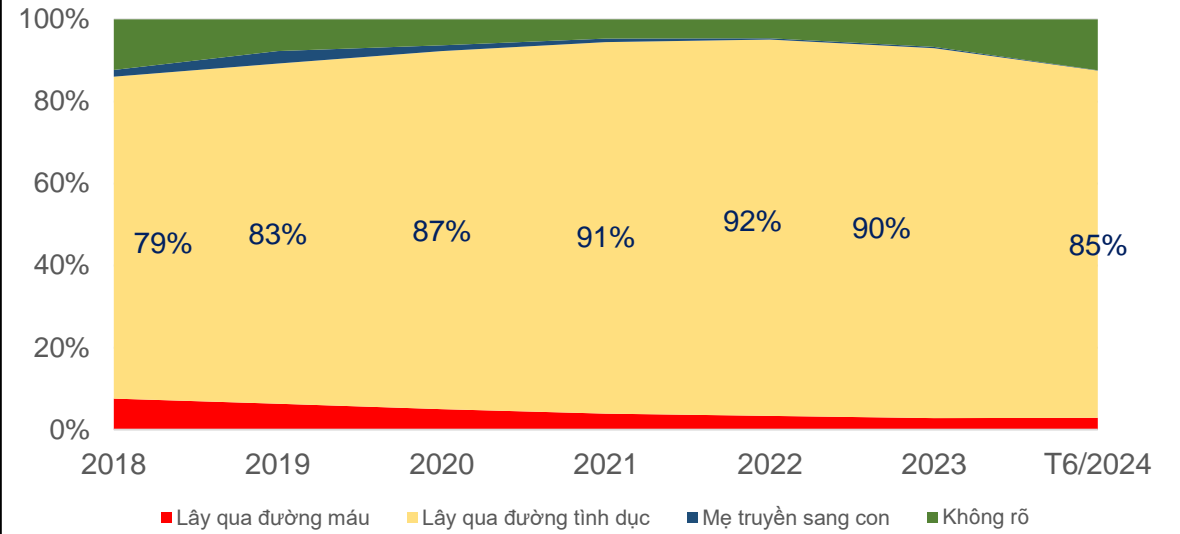
Nguồn: HIV INFO 4.0

Phân bố ca nhiễm HIV mới phát hiện theo đường lây tại KVPN, 2018- T6/2024

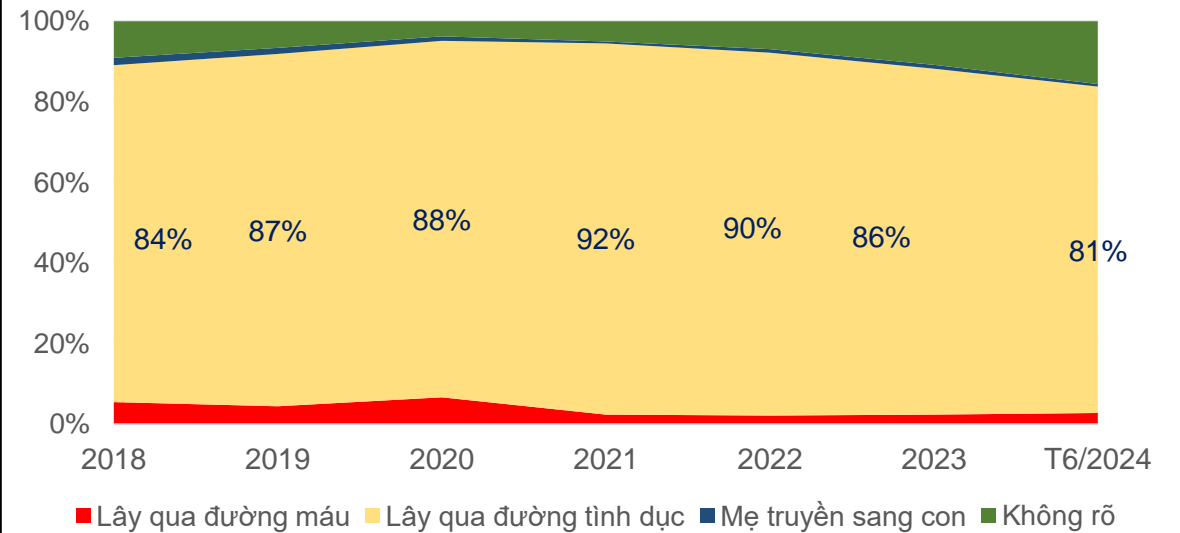
Số mới phát hiện theo đường lây, **KVPN** 2018-T6/2024



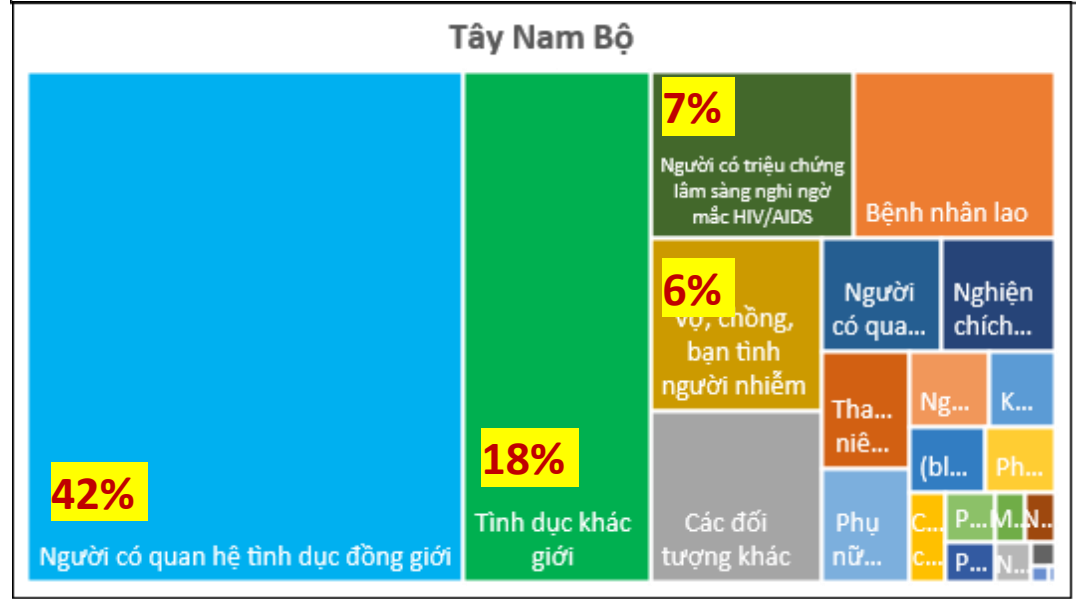
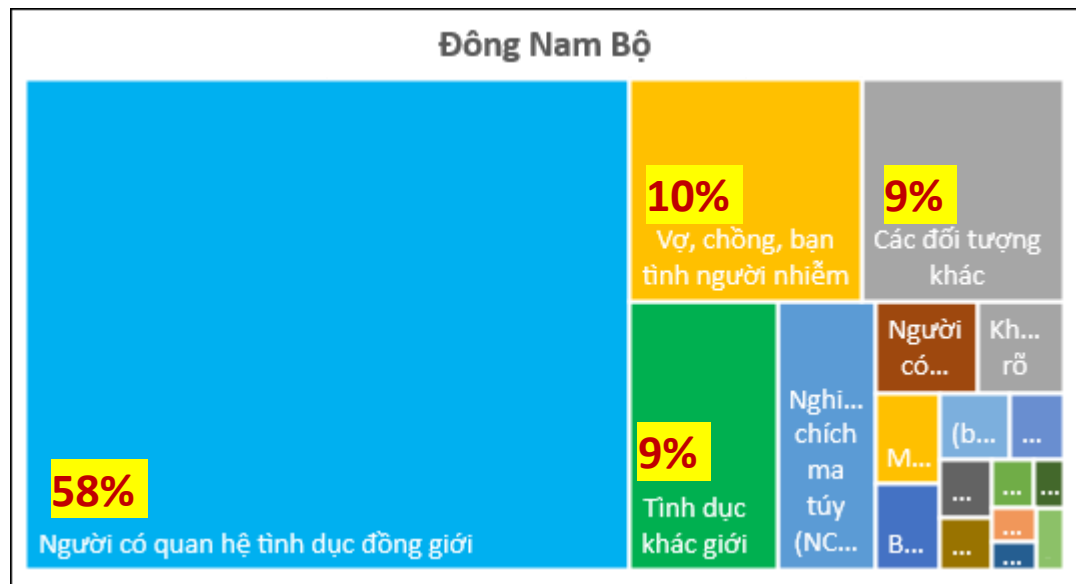
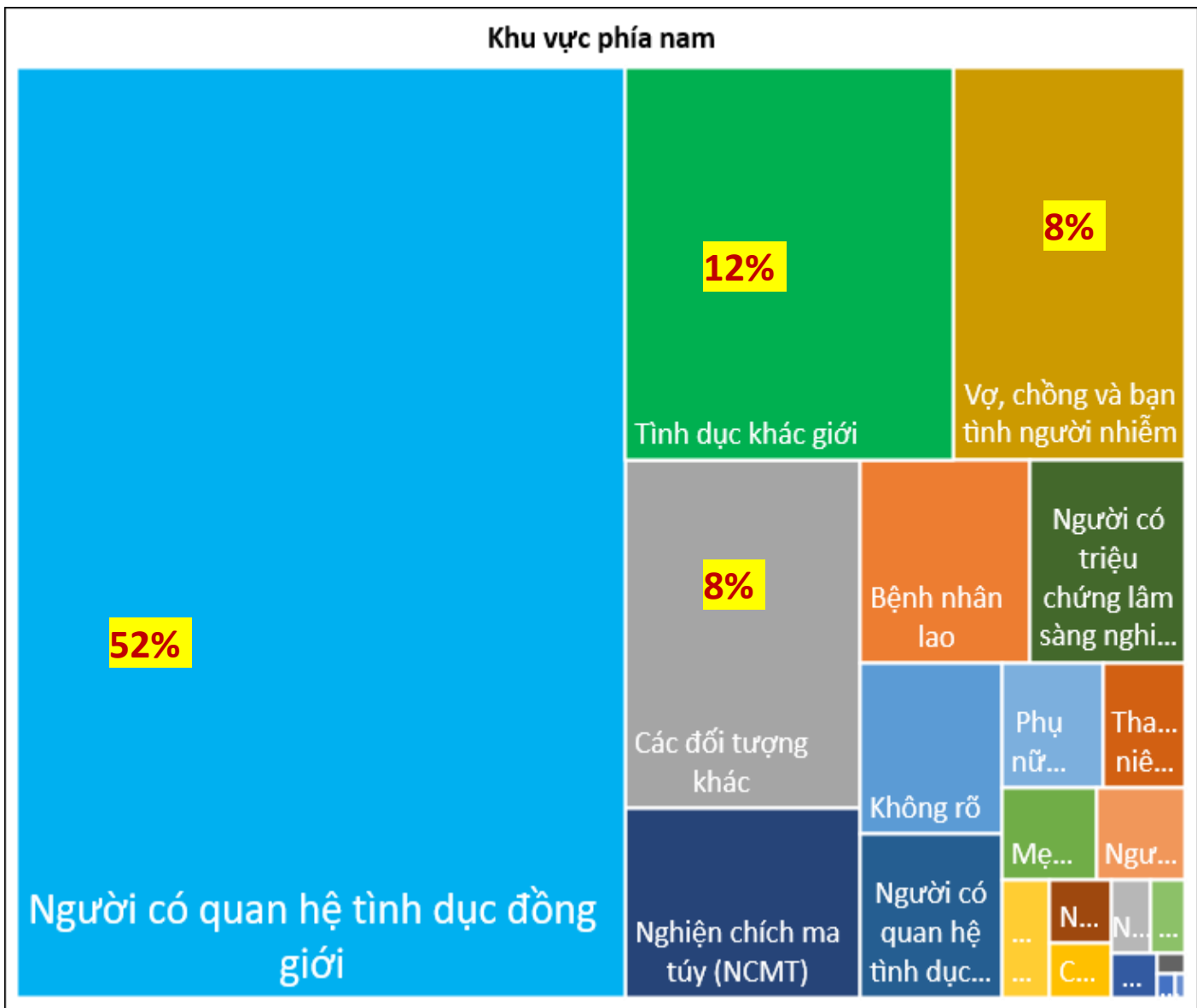
Số mới phát hiện theo đường lây, **ĐNB**, 2018-T6/2024



Số mới phát hiện theo đường lây, **TNB**, 2018-T6/2024

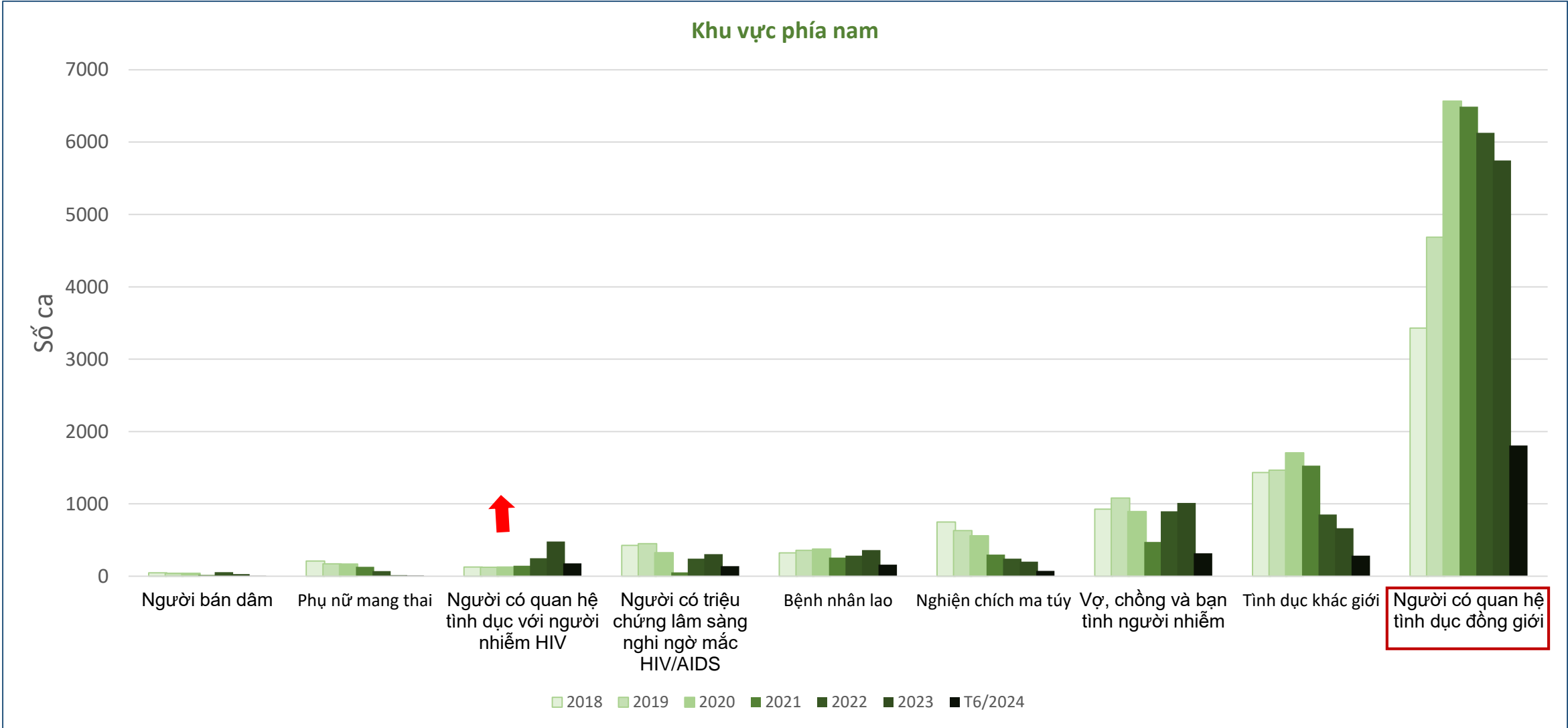


Phân bố ca nhiễm HIV mới phát hiện theo **nhóm đối tượng** tại KVPN, 2018- T6/2024



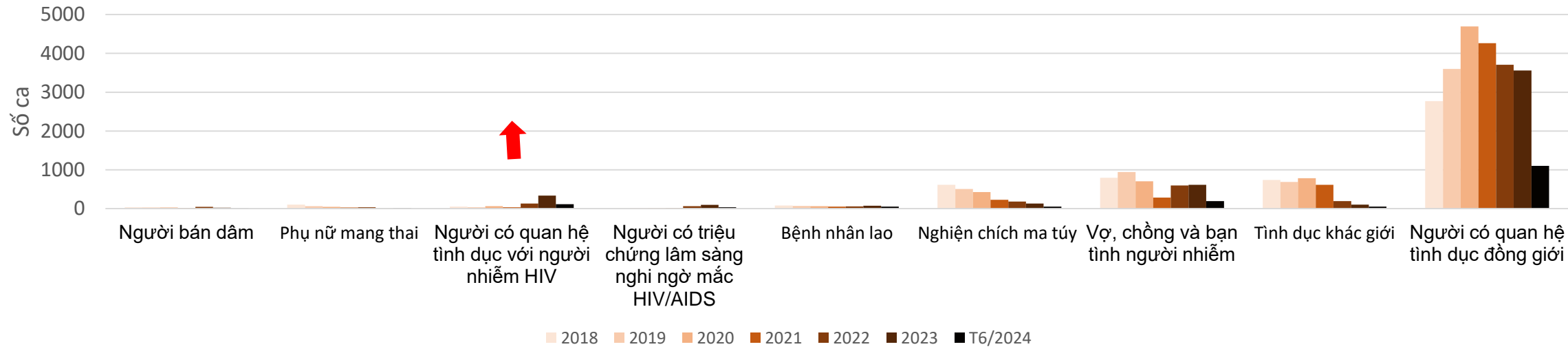
Nguồn: HIV INFO 4.0

Phân bố ca nhiễm HIV mới phát hiện theo nhóm đối tượng tại KVPN, giai đoạn 2018-T6/2024

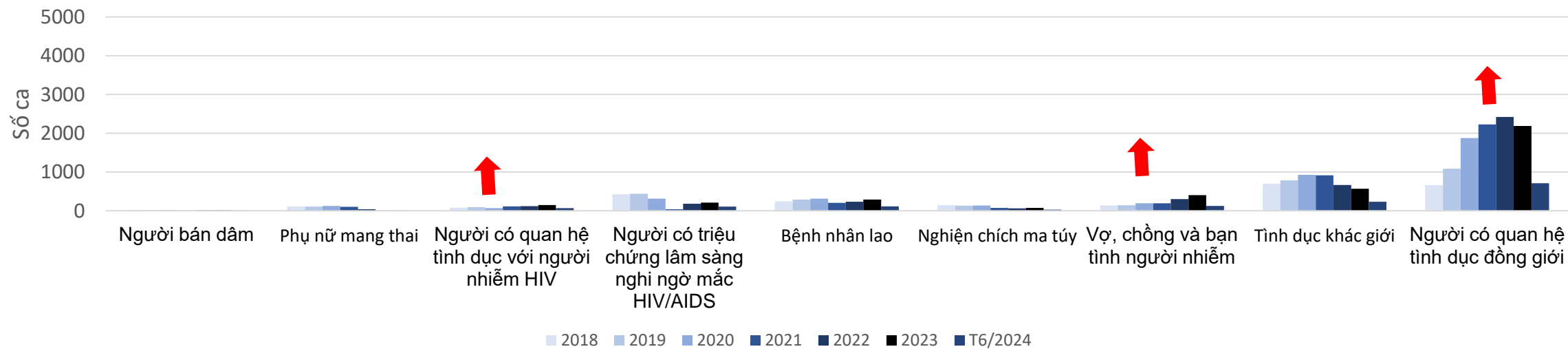


Phân bố ca nhiễm HIV mới phát hiện **theo nhóm đối tượng** tại ĐNB và TNB, giai đoạn 2018-T6/2024

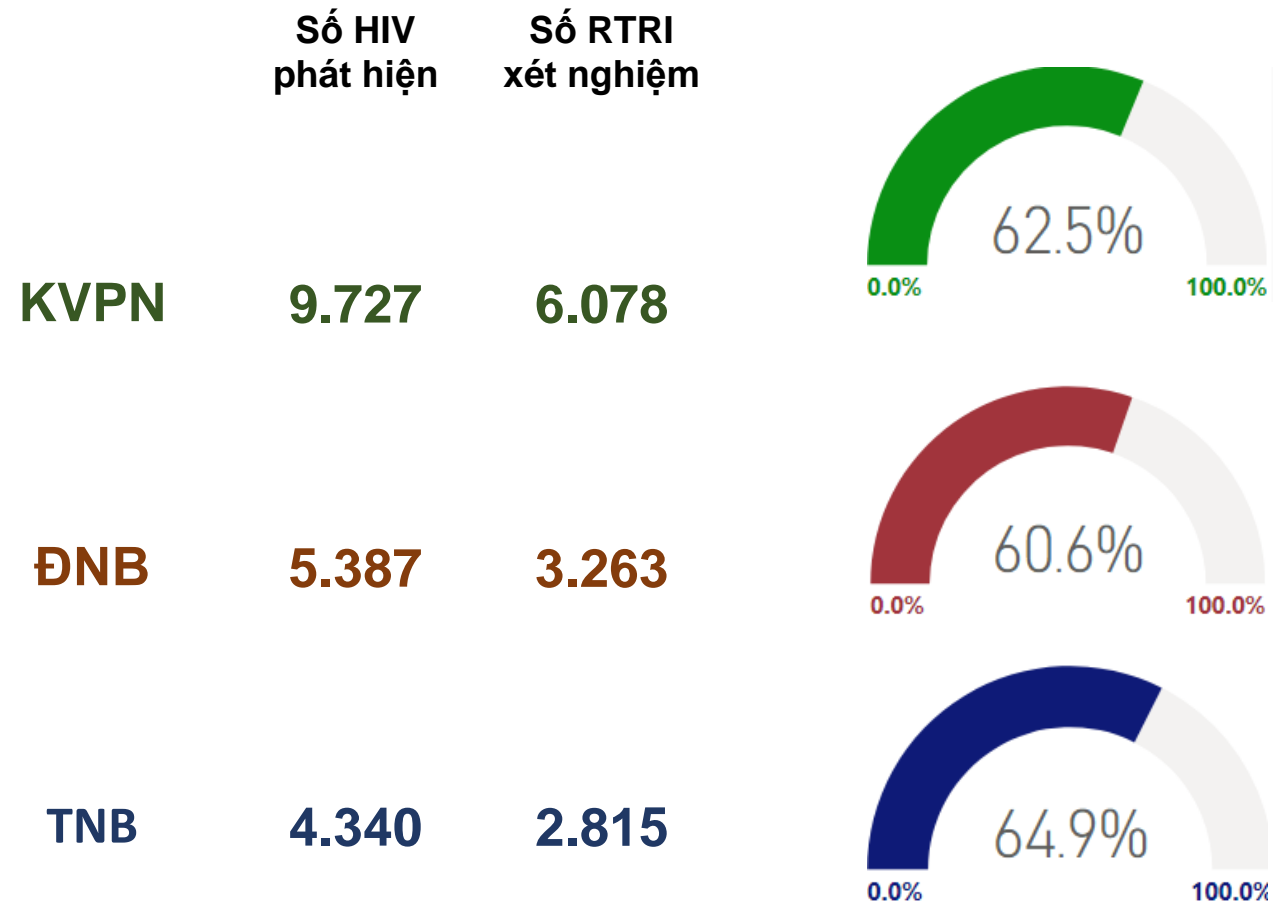
Đông Nam Bộ



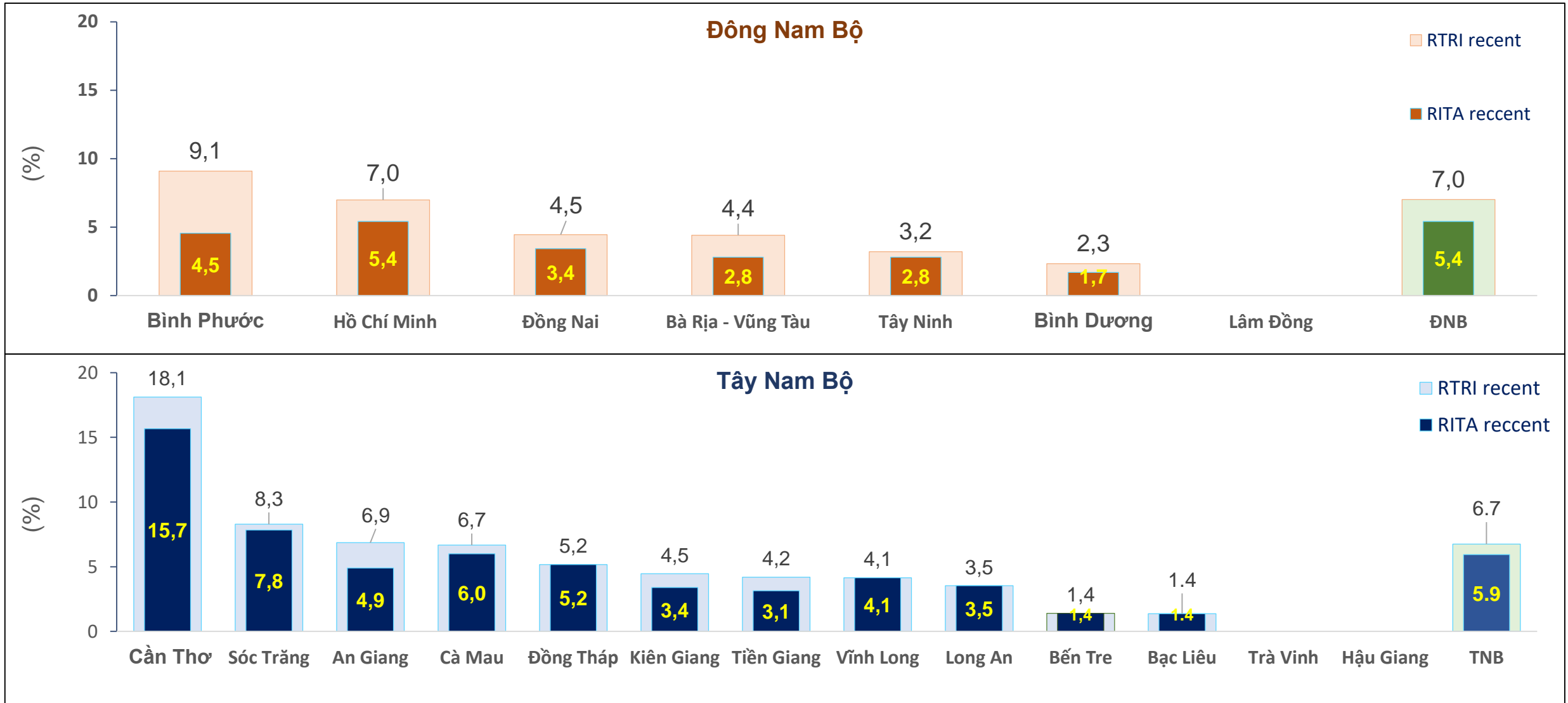
Tây Nam Bộ



Độ bao phủ xét nghiệm nhiễm mới năm 2023 tại KVPN



Kết quả nhiệm mới RTRI và nhiệm mới RITA (Recent) tại KVPN năm 2023



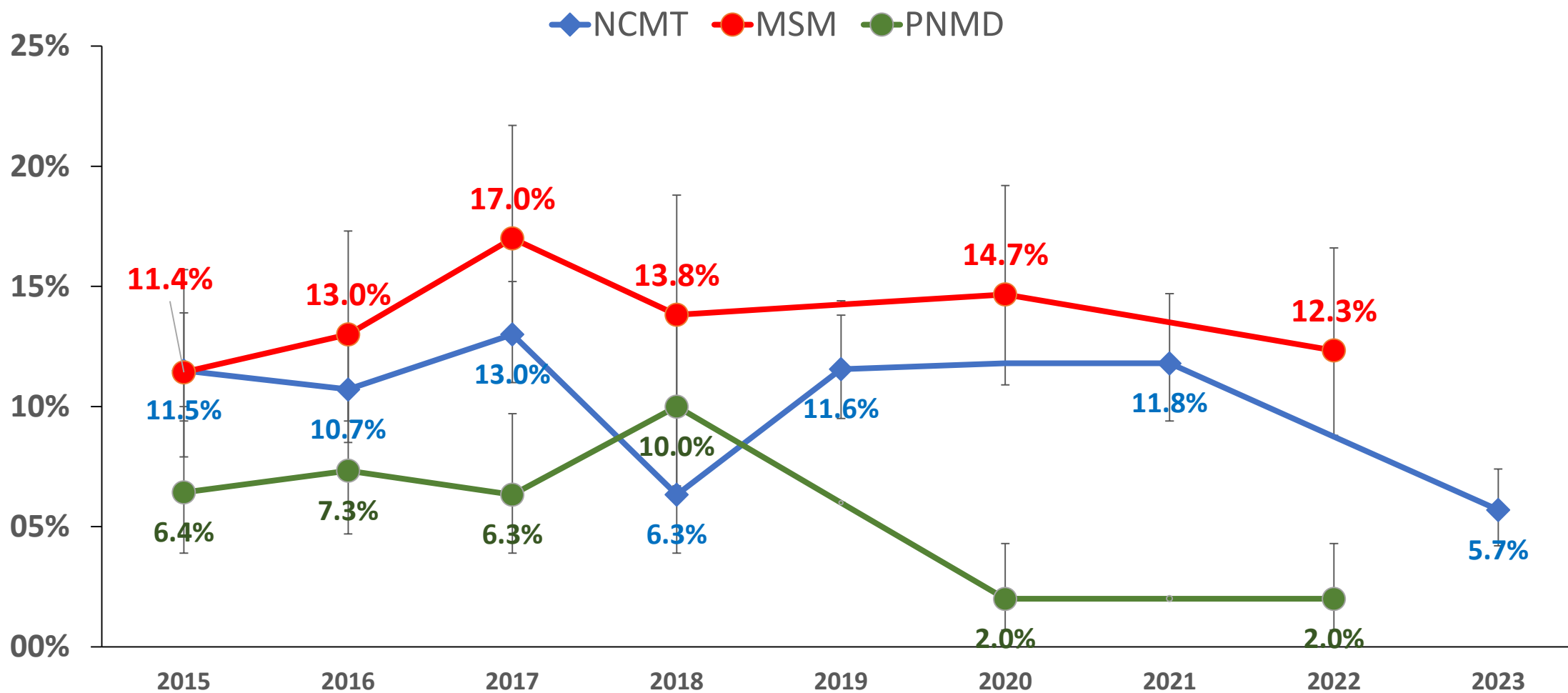
* Ghi chú:

% nhiệm mới RTRI = số nhiệm mới RTRI/ Số RTRI làm xét nghiệm

% nhiệm mới RITA = số nhiệm mới RITA/ Số RTRI làm xét nghiệm

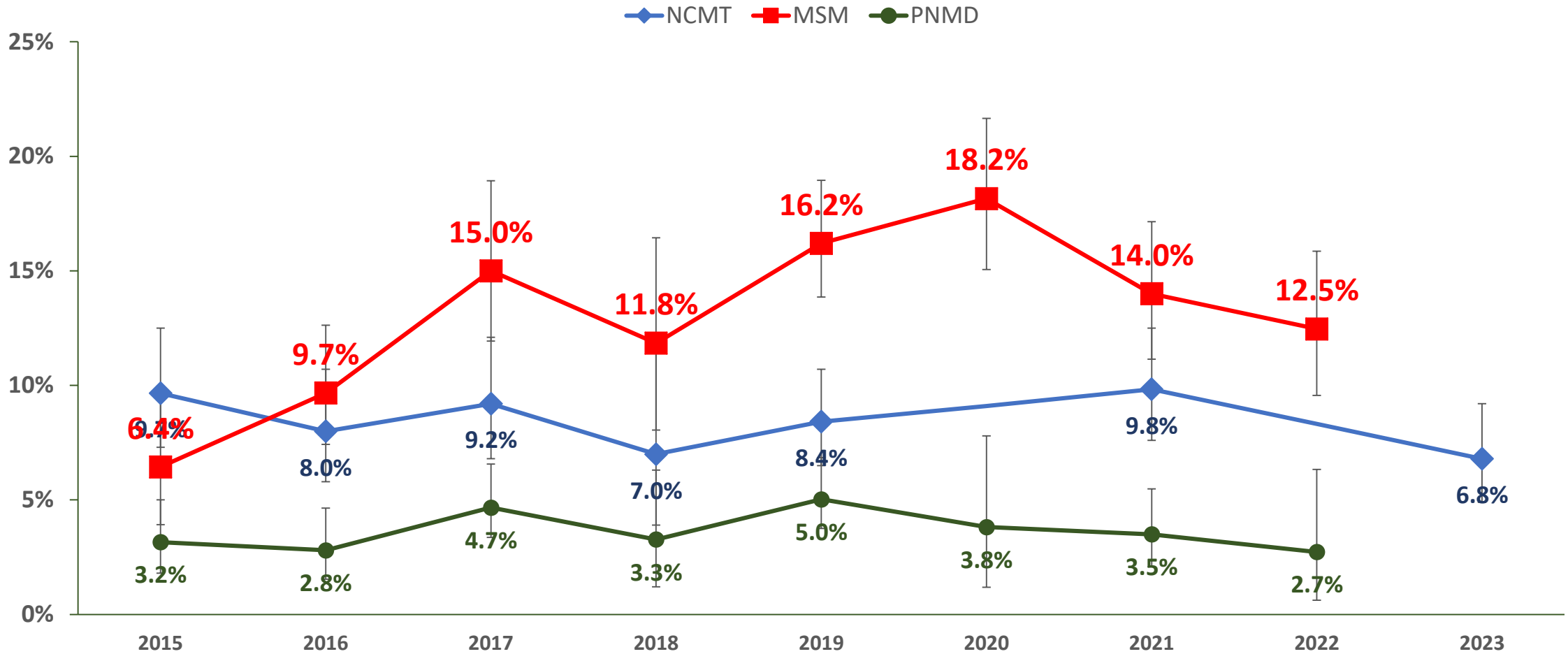
* Lâm Đồng, Hậu Giang chưa triển khai XNNM

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MSM, PNBD, NCMT tại ĐNB qua GSTĐ (2015-2023)



Notes: - MSM, PNBD: Số liệu HCM
- PWID: Số liệu gồm HCM, BD, ĐN, BRVT

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm NCMT, MSM và PNBD tại TNB qua GSTĐ (2015-2023)



3 tỉnh Mekong GSTĐ: Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang. Riêng năm 2021 chỉ thực hiện GSTĐ ở nhóm MSM tại AG & CT

Nguồn: HSS+ Viện Pasteur HCM



ƯỚC TÍNH KÍCH CỠ QUẦN THỂ NAM QUAN HỆ TÌNH DỤC ĐỒNG GIỚI 10 TỈNH/TP TẠI VIỆT NAM NĂM 2023: KẾT QUẢ TỪ PHƯƠNG PHÁP NHẬN DIỆN – NHẬN DIỆN LẠI TỪ BA NGUỒN DỮ LIỆU

*Kết quả sơ bộ, chưa công bố

ĐẶT VẤN ĐỀ



- Tại Việt Nam, tỷ lệ hiện nhiễm HIV ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) tăng lên trong những năm gần đây.



- Ước tính kích cỡ quần thể MSM nhằm cải thiện dữ liệu đầu vào cho các mô hình dịch tễ học và cung cấp dữ liệu cho các chương trình dự phòng, can thiệp, giảm tác hại.

PHƯƠNG PHÁP

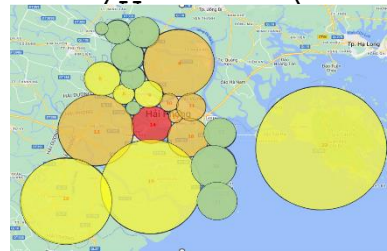
Nhận diện – nhận diện lại từ ba nguồn dữ liệu

KHUNG THỜI GIAN

cho từng tỉnh

Nhận diện lần 1

Đếm người dùng Blue'D



Nhận diện lần 3

- Tập huấn: 2 ngày
- Khảo sát mini-RDS



2 ngày

14 ngày

14-21 ngày

15-28 ngày



- Tập huấn về ứng dụng đếm và lập bản đồ



Nhận diện lần 2

- Lập bản đồ điểm nóng
- Phát vật dụng đặc biệt (móc khóa)

PHƯƠNG PHÁP

Người tham gia đủ điều kiện

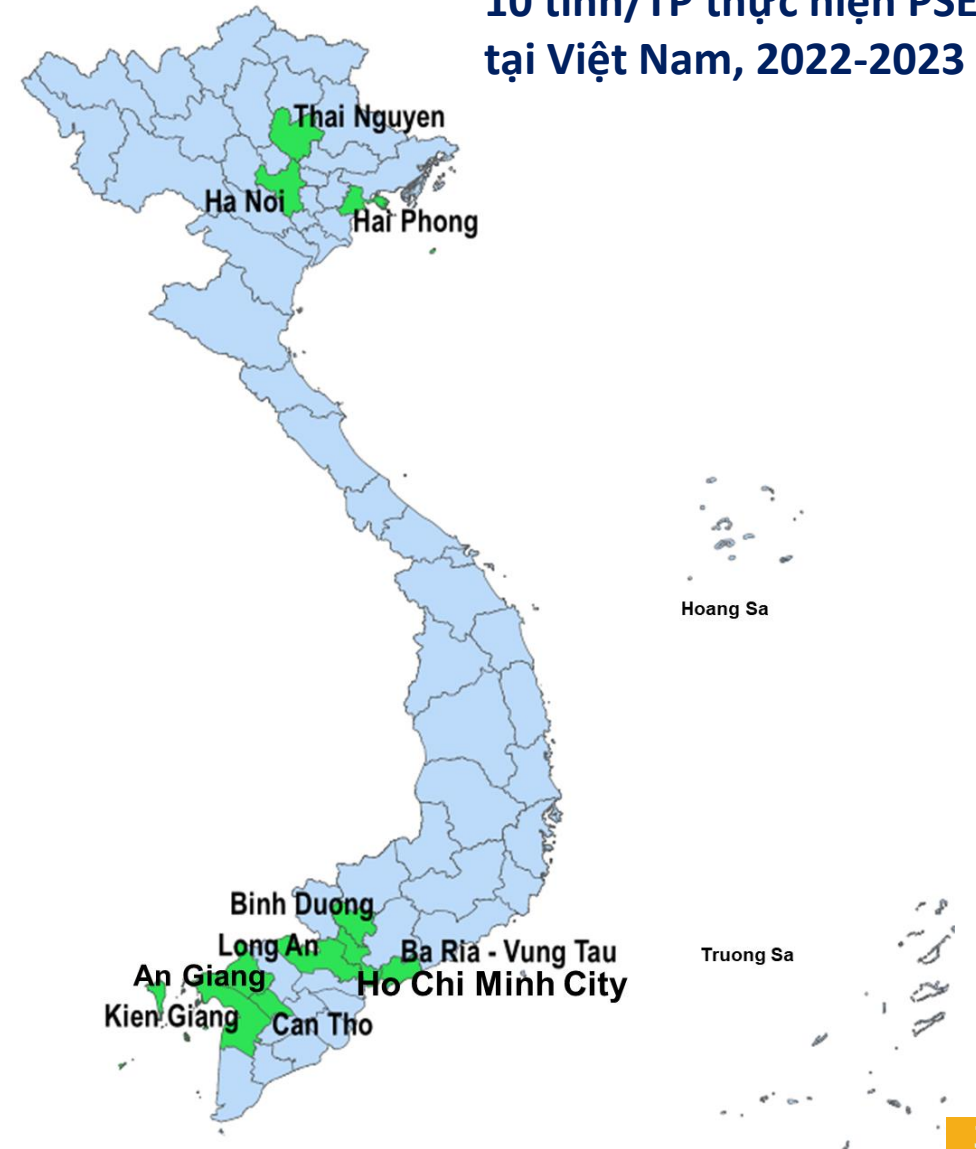
- Được xác định là nam khi sinh ra
- ≥ 18 tuổi
- Có quan hệ tình dục qua đường hậu môn với nam giới khác trong 12 tháng qua
- Đã sống và/hoặc làm việc tại tỉnh được 3 tháng

Số lượng người tham gia

- Nhận diện lần 1: 183.234
- Nhận diện lần 2: 6.301
- Nhận diện lần 3: 3.511

Phân tích dữ liệu sử dụng phân tích lớp ẩn Bayes (Bayesian Latent Class Modeling)

10 tỉnh/TP thực hiện PSE
tại Việt Nam, 2022-2023



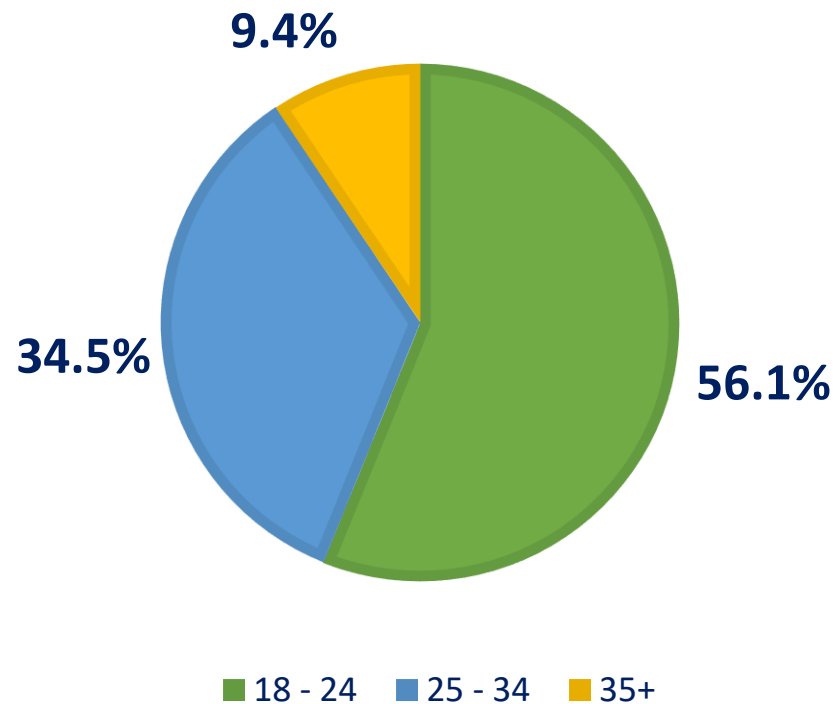
Kết quả

Đặc điểm nhân khẩu học của MSM tham gia nhận diện theo 3 nguồn tại 10 tỉnh/TP tại Việt Nam, 2022-2023 (n=3,511)

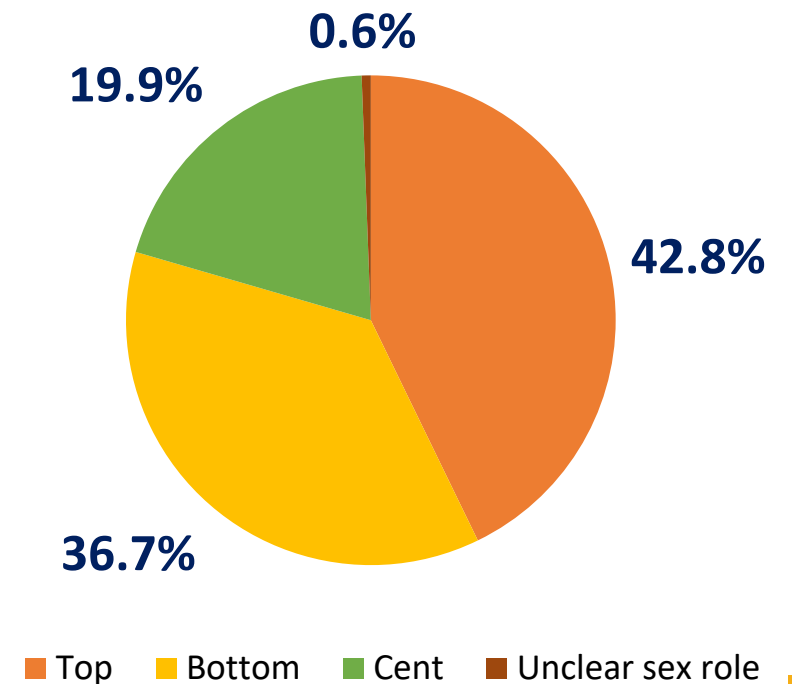
Kích cỡ mạng lưới

Trung bình (\pm ĐLC) **13,8 \pm 29,6**
Biến thiên **1 - 500**

Nhóm tuổi



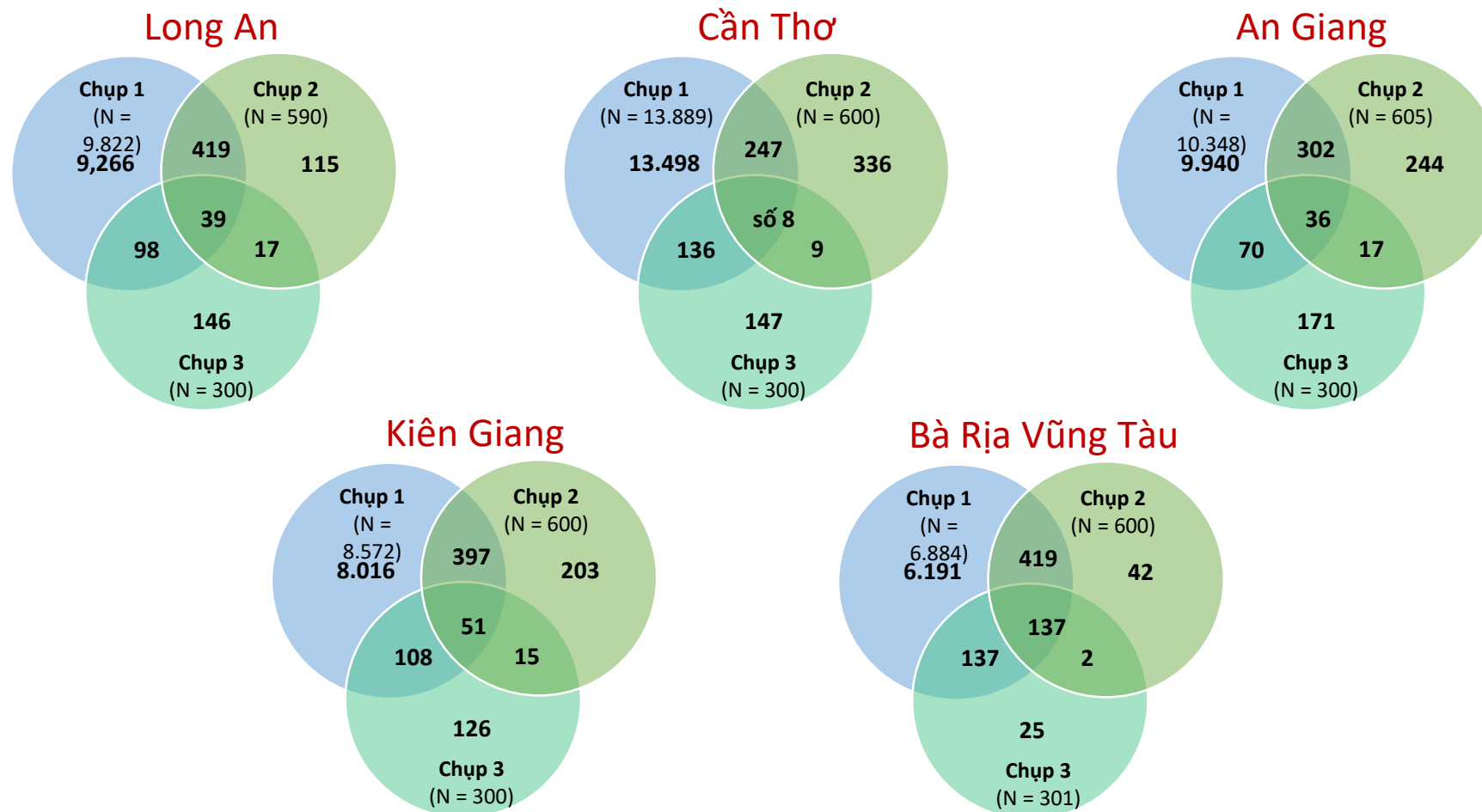
Vai trò khi QHTD



*QHTD: Quan hệ tình dục

Kết quả

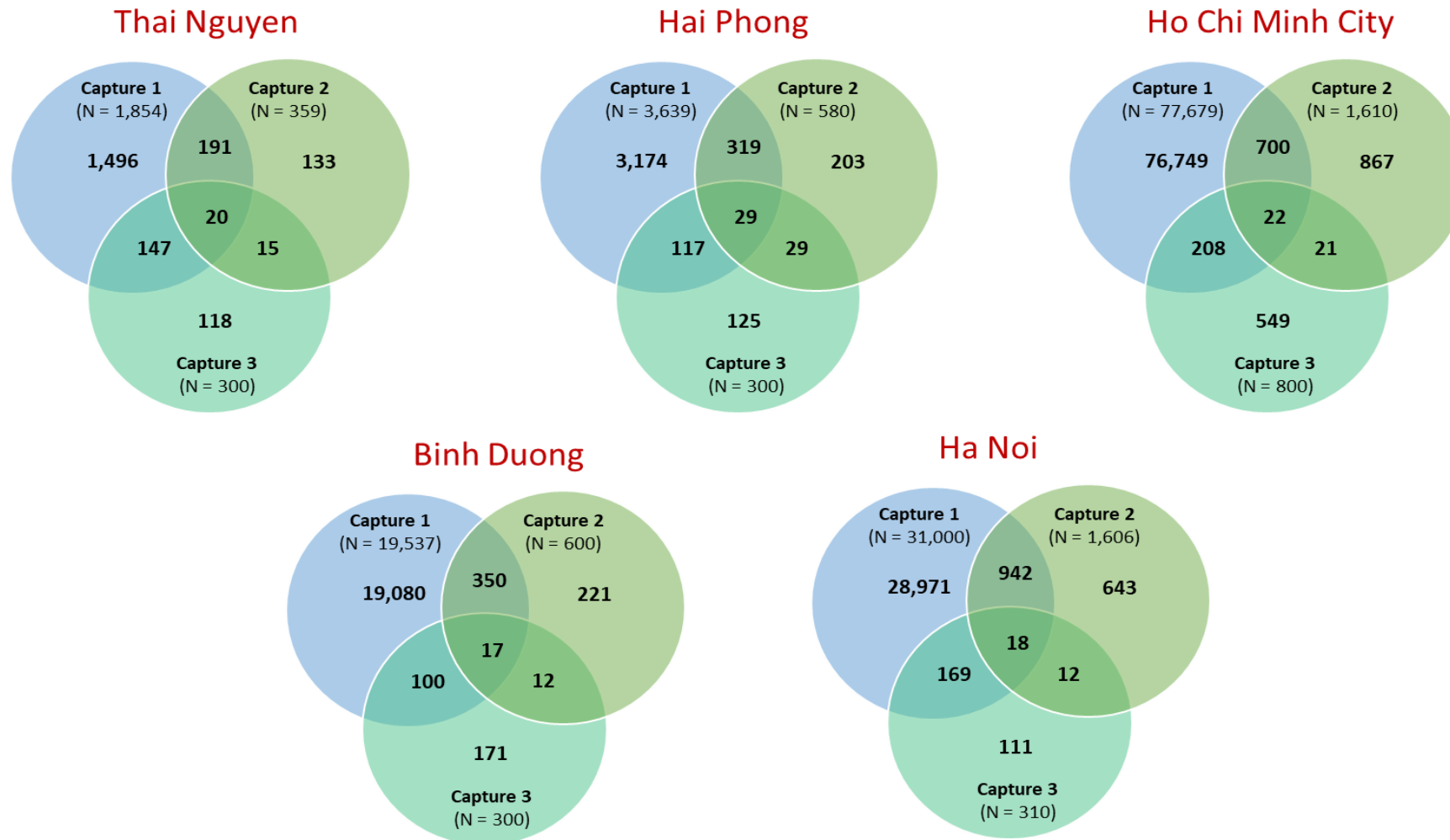
Kết quả nhận diện – nhận diện lại theo tỉnh/TP



Biểu đồ Venn thể hiện số lượng người tham gia 3 vòng nhận diện – nhận diện lại tại 10 tỉnh/thành phố tại Việt Nam

Kết quả

Kết quả nhận diện – nhận diện lại theo tỉnh/TP (t.t)

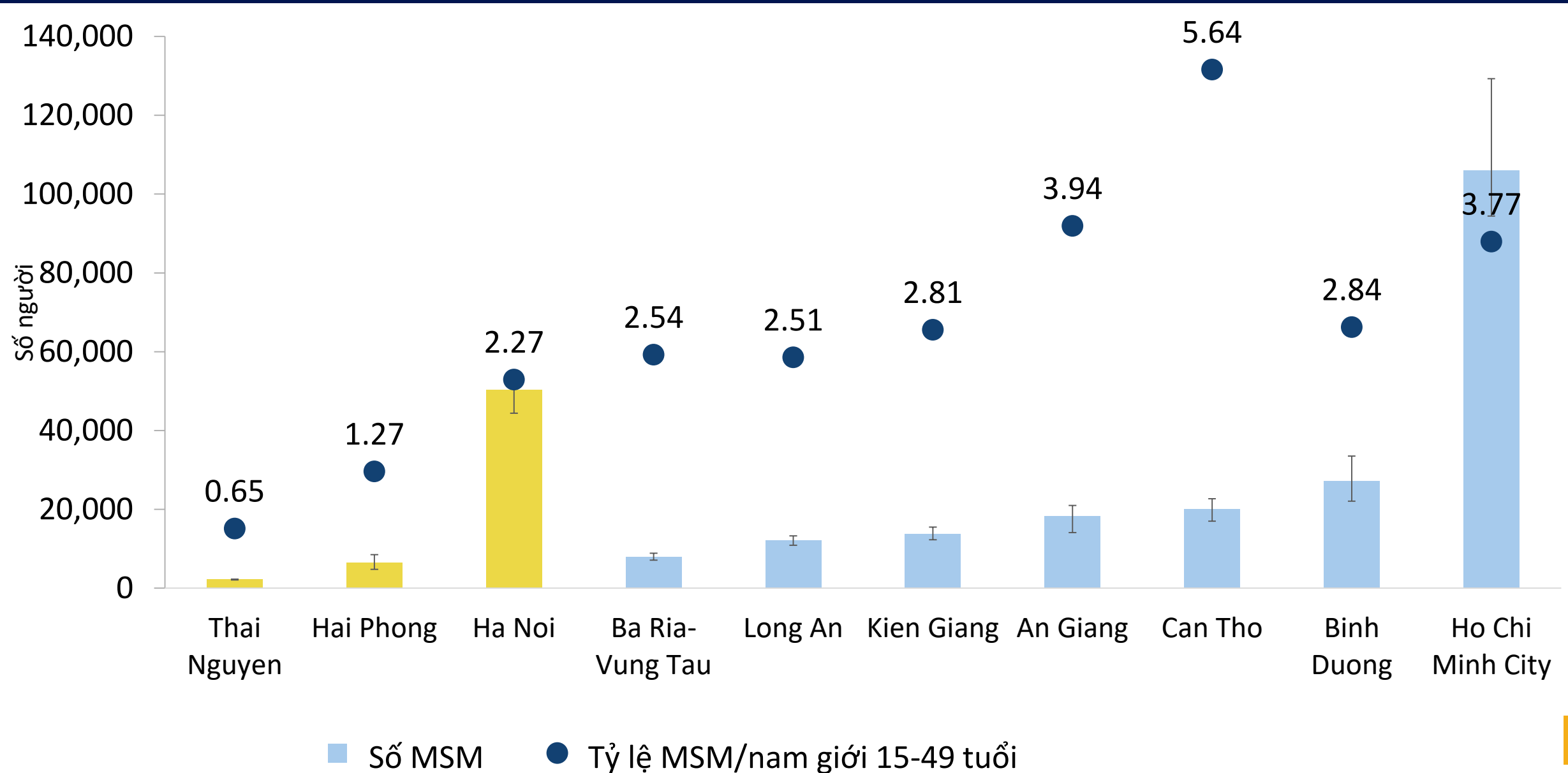


Biểu đồ Venn thể hiện số lượng người tham gia 3 vòng nhận diện – nhận diện lại tại 10 tỉnh/TP tại Việt Nam

Kết quả ước tính và tỷ lệ MSM/nam giới từ 15=49 tuổi tại 10 tỉnh/TP tại Việt Nam, 2022-2023

	Tỉnh	Ước tính (2023)	KTC 95% (2023)	Tỷ lệ MSM/nam giới 15-49 tuổi (% , KTC 95%) (2023)	Kết quả ước tính từ nghiên cứu trước (2019)
Miền Bắc	Thái Nguyên	2.200	2.100 - 2.300	0,65 (0,62-0,69)	3.100 (0,95)
	Hải Phòng	6.400	4.800 - 8.500	1,27 (0,95-1,68)	4.700 (0,95)
	Hà Nội	50.300	44.400 - 53.700	2,27 (2,00-2,42)	33.600 (1,61)
	Tổng cộng	58.900	51.300 - 64.500	1,93 (1,68-2,11)	41.500 (1,42)
Miền Nam	Long An	12.100	10.900 - 13.300	2,51 (2,26-2,76)	4.600 (0,97)
	Kiên Giang	13.700	12.300 – 15.500	2,81 (2,51-3,16)	4.800 (0,97)
	An Giang	18.200	14.100 - 21.000	3,94 (3,06-4,55)	4.800 (0,97)
	Cần Thơ	20.100	17.000 - 22.700	5,64 (4,77-6,38)	4.200 (1,19)
	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.900	7.100 - 8.900	2,54 (2,29-2,85)	3.100 (0,97)
	Thành phố Hồ Chí Minh	105.900	94.400 - 129.300	3,77 (3,36-4,61)	55.000 (2,04)
	Bình Dương	27.200	22.100 - 33.500	2,84 (2,31-3,50)	8.000 (0,97)
	Tổng cộng	205.100	177.900-244.200	3,50 (3,03-4,16)	84.500 (1,49)
Tổng		264.000	229,30 - 308,700	2,96 (2,57-3,46)	126.000 (1,46)

Kết quả ước tính và tỷ lệ MSM/nam giới 15-49 tuổi tại 10 tỉnh/TP tại Việt Nam, 2022-2023



Kết luận

- Ước tính kích cỡ quần thể MSM tăng đáng kể so với ước tính theo phương pháp nhận diện – nhận diện lại từ hai nguồn ở Việt Nam trước đây, đặc biệt ở KVPN - nơi tỷ lệ nhiễm HIV đang gia tăng. Điều này có thể phản ánh sự chuyển biến xã hội và sự khác biệt về văn hóa đối với đồng tính giữa các khu vực Việt Nam.
- Kết quả của NC sẽ được ngoại suy để ước tính kích cỡ quần thể MSM toàn quốc, được sử dụng làm dữ liệu đầu vào để ước tính quy mô người nhiễm HIV và số liệu chương trình dự phòng HIV.

Nhận định & khuyến nghị

Nhận định

- KVPN chiếm 66% số ca nhiễm HIV còn sống của cả nước. TP. HCM chiếm 49% số ca nhiễm HIV còn sống của KVPN.
- Nhìn chung, số ca HIV mới phát hiện tại KVPN có xu hướng giảm từ năm 2020 - 2023. Tuy nhiên, số ca HIV mới phát hiện tại KV TNB có xu hướng tăng từ 2016 – 2023.
- Hậu Giang có số ca HIV mới phát hiện 6 tháng đầu năm 2024 cao hơn so với cùng kỳ các năm trước (2018-2023).
- Hầu hết các tỉnh đều có tháng đạt ngưỡng cảnh báo dịch trong 6 tháng đầu năm 2024.

Nhận định

- Dịch HIV tại KVPN trong những năm gần đây tập trung chủ yếu ở nhóm nam giới, trẻ tuổi (20-29) và thuộc nhóm MSM.
- Ngoài ra, số HIV mới phát hiện nhóm người có QHTD với người nhiễm HIV có xu hướng tăng những năm gần đây (2018-2023).
- Đường lây chủ đạo qua QHTD (gần 90%).
- Dữ liệu giám sát trong điểm cho thấy, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm MSM tại ĐNB và TNB tăng từ 2015-2022, tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong nhóm NCMT và PNBD có xu hướng giảm hoặc duy trì.
- Kết quả ước tính kích cỡ quần thể cho thấy số lượng MSM tăng đáng kể so với ước tính trước đây, đặc biệt ở KVPN.

Khuyến nghị

- Giảm tác hại:
 - Tăng cường đáp ứng YTCC để phát hiện & can thiệp kịp thời
 - Đẩy mạnh chương trình PrEP và các can thiệp dự phòng HIV khác, đặc biệt cho nhóm MSM và người có QHTD với người nhiễm HIV.
- Giám sát:
 - Duy trì và mở rộng các điều tra nghiên cứu đánh giá về tình hình và xu hướng dịch
 - Cần làm rõ nhóm **đối tượng khác** cũng chiếm số lượng lớn sau nhóm MSM
 - Sử dụng kết quả ước tính quần thể MSM tại 10 tỉnh/TP để ước tính kích cỡ MSM quốc gia, và ước tính, dự báo tình hình dịch HIV/AIDS tại Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn

